

Mẫu số 02a

TÊN CƠ QUAN/TỔ CHỨC

Số:../...

..., ngày... tháng... năm...

V/v đề nghị xác nhận miễn thuế rượu, bia,
thuốc lá nhập khẩu vượt định lượng

Kính gửi: Bộ Ngoại giao

Căn cứ khoản 2, khoản 7 Điều 5 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ.

Tên cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự/cơ quan đại diện tổ chức quốc tế thuộc hệ thống Liên hợp quốc:...

Địa chỉ:...

Số điện thoại:...

(Tên cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự/cơ quan đại diện tổ chức quốc tế thuộc hệ thống Liên hợp quốc)... đề nghị Bộ Ngoại giao xác nhận miễn thuế đối với số lượng rượu, bia, thuốc lá nhập khẩu vượt định lượng như sau:

STT	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng

Lý do:...

Tên Chi cục Hải quan nơi dự kiến làm thủ tục nhập khẩu:...

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CƠ QUAN/TỔ CHỨC**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 02b

BỘ NGOẠI GIAO**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:../...

V/v xác nhận danh mục
rượu, bia, thuốc lá nhập khẩu
vượt định lượng miễn thuế

..., ngày... tháng... năm...

Kính gửi: - Cơ quan/Tổ chức...

- Chi cục Hải quan... (nơi dự kiến làm thủ tục nhập khẩu)

Căn cứ khoản 2, khoản 7 Điều 5 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ.

Xét văn bản đề nghị số... ngày... của..., địa chỉ...

Bộ Ngoại giao xác nhận số lượng các mặt hàng rượu, bia, thuốc lá được nhập khẩu miễn thuế vượt định lượng quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ như sau:

STT	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng cục Hải quan;
- Lưu:...

TL. BỘ TRƯỞNG
CỤC TRƯỞNG CỤC LỄ TÂN NHÀ NƯỚC

Mẫu số 02c

TÊN CƠ QUAN/TỔ CHỨC⁽¹⁾

Số:.../...

..., ngày... tháng... năm...

V/v xác nhận chủng loại, định lượng
hàng hóa nhập khẩu phục vụ công tác
được miễn thuế

Kính gửi: Bộ Ngoại giao

Căn cứ khoản 3, khoản 7 Điều 5 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ.

Tên cơ quan/tổ chức/cá nhân:...

Chứng minh thư ngoại giao/công vụ⁽²⁾ số:... Ngày cấp:... Nơi cấp:...

Địa chỉ:....;

Số điện thoại:....;

Đề nghị Bộ Ngoại giao xác nhận:

Chủng loại và định lượng hàng hóa cần thiết nhập khẩu để phục vụ cho nhu cầu công tác được miễn thuế như sau:

STT	Chủng loại (Tên hàng)	Đơn vị tính	Định lượng (Số lượng)

Lý do:...

Tên Chi cục Hải quan nơi dự kiến làm thủ tục nhập khẩu:...

**XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN
NƠI CÁ NHÂN LÀM VIỆC⁽³⁾**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CƠ QUAN/TỔ CHỨC/CÁ NHÂN**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:⁽¹⁾ Đối với cá nhân: Bỏ trống.^{(2), (3)} Đối với tổ chức: Bỏ trống.

Mẫu số 02d

BỘ NGOẠI GIAO**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

V/v xác nhận chủng loại
định lượng hàng hóa cần thiết
nhập khẩu để phục vụ
công tác được miễn thuế

..., ngày... tháng... năm...

Kính gửi: - Cơ quan/Tổ chức...
- Chi cục Hải quan... (nơi dự kiến làm thủ tục nhập khẩu)

Căn cứ khoản 3, khoản 7 Điều 5 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ.

Xét văn bản đề nghị số... ngày... của..., địa chỉ...

Bộ Ngoại giao xác nhận chủng loại và định lượng hàng hóa cần thiết nhập khẩu để phục vụ cho nhu cầu công tác ngoài các mặt hàng quy định tại Phụ lục I, Phụ lục II, Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ được miễn thuế như sau:

STT	Chủng loại (Tên hàng)	Đơn vị tính	Định lượng (Số lượng)	Ghi chú

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng cục Hải quan;
- Lưu:...

TL. BỘ TRƯỞNG
CỤC TRƯỞNG CỤC LỄ TÂN NHÀ NƯỚC

Mẫu số 02e

TÊN CƠ QUAN/TỔ CHỨC⁽¹⁾

Số: .../...

..., ngày... tháng... năm...

V/v đề nghị xác nhận chủng loại,
định lượng hàng hóa miễn thuế theo
Điều ước quốc tế/Thỏa thuận

Kính gửi: Bộ Tài chính

Căn cứ khoản 4, khoản 7 Điều 5 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ.

Tên cơ quan/tổ chức/cá nhân:...

Chứng minh thư ngoại giao/công vụ/Hộ chiếu⁽²⁾:...

Ngày cấp: .../.../...

Nơi cấp:...

Quốc tịch:...

Địa chỉ:...

Số điện thoại:...

Số Fax:...

Do Điều ước quốc tế/Thỏa thuận giữa Chính phủ Việt Nam với tổ chức phi Chính phủ nước ngoài... ngày... về... không quy định cụ thể chủng loại và định lượng hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng miễn thuế theo Điều ước quốc tế/Thỏa thuận.

(Tên tổ chức/cá nhân)... đề nghị Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định chủng loại và định lượng hàng hóa miễn thuế nhập khẩu theo Điều ước quốc tế/Thỏa thuận giữa Chính phủ Việt Nam với tổ chức phi Chính phủ nước ngoài dự kiến nhập khẩu dưới đây:

STT	Chủng loại (Tên hàng)	Đơn vị tính	Định lượng (Số lượng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

Cột (4): Ghi số lượng hàng hóa dự kiến nhập khẩu.

Thời gian dự kiến nhập khẩu từ... đến...

Nơi dự kiến đăng ký tờ khai hải quan:...

(Tên tổ chức/cá nhân)... cam kết sử dụng hàng hóa nhập khẩu đúng mục đích đã được miễn thuế và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam kết này.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC/CÁ NHÂN**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

**XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN NƠI
CÁ NHÂN LÀM VIỆC⁽³⁾**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Đối với cá nhân: Bỏ trống.

^{(2), (3)} Đối với tổ chức: Bỏ trống.

Mẫu số 02g

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:../QĐ-TTg

Hà Nội, ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu theo
Điều ước quốc tế/Thỏa thuận giữa Chính phủ Việt Nam
với tổ chức phi chính phủ nước ngoài**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ;

Căn cứ theo Điều ước quốc tế/Thỏa thuận... ngày... giữa tổ chức... và Chính phủ Việt Nam;

Căn cứ...;

Theo đề nghị của Bộ Tài chính tại văn bản số... ngày...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu theo Điều ước quốc tế/Thỏa thuận...

1. Tên tổ chức, cá nhân:...
2. Chứng loại, định lượng:

Số TT	Chủng loại (Tên hàng)	Đơn vị tính	Định lượng (Số lượng)	Ghi chú

Điều 2. Tổ chức/cá nhân nêu tại Điều 1 có trách nhiệm sử dụng hàng hóa nhập khẩu miễn thuế đúng mục đích được miễn thuế.

Trường hợp sử dụng không đúng mục đích, tổ chức, cá nhân phải đăng ký tờ khai hải quan mới, nộp thuế theo quy định của pháp luật trước khi thay đổi mục đích.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan,... và tổ chức/cá nhân... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- Bộ Ngoại giao;
- Tổng cục Hải quan;
- ...;
- Tổ chức/cá nhân...;
- Lưu: VT,...

THỦ TƯỚNG

Mẫu số 02h1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
INDEPENDENCE - FREEDOM - HAPPINESS

BỘ NGOẠI GIAO
MINISTRY OF FOREIGN AFFAIRS

SỔ ĐỊNH MỨC MIỄN THUẾ
QUOTA BOOK FOR DUTY FREE GOODS

Số sổ:..... **CQ**/.....

Số quản lý:.....

Số sổ đã được cấp:.....

Số quản lý:.....

Sổ cơ quan
(Office book)

HƯỚNG DẪN

1. Sổ định mức miễn thuế được sử dụng để mua hàng miễn thuế tại các cửa hàng miễn thuế ở Việt Nam trong 03 năm.
2. Sổ định mức miễn thuế được sử dụng khi người được cấp sổ tự nhập khẩu hay ủy thác nhập khẩu hàng hóa vào Việt Nam.
3. Khi mua hàng tại cửa hàng miễn thuế ở Việt Nam, người mua hàng xuất trình:
 - a) Sổ định mức miễn thuế.
 - b) Hộ chiếu hoặc chứng minh thư do Cục Lễ tân Nhà nước - Bộ Ngoại giao cấp.
 - c) Công hàm đề nghị mua hàng.
4. Khi mất Sổ, cơ quan được cấp Sổ cần thông báo ngay cho Cục Lễ tân Nhà nước - Bộ Ngoại giao.
5. Khi thay Sổ mới, cơ quan được cấp Sổ phải gửi trả Sổ định mức miễn thuế này về Cục Lễ tân Nhà nước - Bộ Ngoại giao.
6. Sổ này gồm 11 trang được đánh số từ trang 1 đến trang 11 (trừ trang bìa), được in trên khổ A5, trang bìa có màu đỏ.
7. Sổ này kèm phụ lục tem rượu, bia, thuốc lá.
8. Bộ Tài chính in, phát hành, quản lý, sử dụng Sổ định mức miễn thuế.

INSTRUCTION

1. The quota book is used to purchase commodities at Duty Free Shops in Vietnam within 03 years.

2. The quota book is also used when the user of the quota book (the person to whom the quota book is issued) imports commodities by himself/herself or authorizes the other import commodities into Vietnam.

3. To purchase commodities at Duty Free Shops in Vietnam, the followings are presented:

a. The quota book.

b. Passport or I.D Card which is granted by the Directorate of State Protocol - Ministry of Foreign Affairs.

c. Letter of recommendation.

4. If the book is lost, the user is requested to inform immediately to the Directorate of State Protocol - Ministry of Foreign Affairs.

5. If change the book, the user should return the quota book to the Directorate of State Protocol - Ministry of Foreign Affairs.

6. This book includes 11 pages, numbered from 1 to 11 (except for the cover page) and printed on A5 size; the cover page is red.

7. This book is attached with stamps of alcohol, beer and cigarettes.

8. The Ministry of Finance prints, issues, manages and uses the quota book.

Xác nhận của cơ quan sở hữu Sổ định mức miễn thuế:

Cơ quan/Mission:.....

Địa chỉ/Address:.....

Điện thoại/Telephone:.....

Số lượng biên chế của cơ quan/Number of staff members:.....

..., ngày... tháng... năm...

Người đứng đầu cơ quan

(Ký tên, đóng dấu)

The Head of Mission

(Signed and Sealed)

**XÁC NHẬN CỦA CỤC LỄ TÂN NHÀ NƯỚC BỘ NGOẠI GIAO
VỀ THÂN PHẬN VÀ TIÊU CHUẨN MUA HÀNG MIỄN THUẾ**

Certification of the Directorate of State Protocol

Cơ quan:.....

Mission

Số lượng người:.....

Number of Staff Members

Được hưởng ưu đãi miễn trừ theo Nghị định số 73/CP ngày 30-7-1994 của Chính phủ

Enjoys the privileges and immunities under the Decree No. 73/CP dated 30 July 1994

Từ ngày/from:.....

Đến ngày/to:.....

Danh mục và định lượng được nhập khẩu, tạm nhập khẩu, mua hàng miễn thuế theo quy định tại Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 09 năm 2016 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ gồm:

The list and quota of duty-free goods allowed to be imported, temporarily imported, purchased pursuant to Government's Decree No. 134/2016/ND-CP dated 01 September 2016 which was amended and supplemented by Government's Decree No. 18/2021/ND-CP dated 11 March 2021 consist of:

- | | |
|-----------------------------------|---------------------------------|
| 1. Ô tô/Automobile | Chiếc/vehicle(s) |
| 2. Xe hai bánh gắn máy/Motorcycle | Chiếc/vehicle(s) |
| 3. Rượu/Wine, alcohol | Lít/Quý/liter(s)/quarter |
| 4. Bia/Beer | Lít/Quý/liter(s)/quarter |
| 5. Thuốc lá/Cigarette | Tút/Quý/carton(s)/quarter |

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

Cục trưởng Cục Lễ tân Nhà nước

Chief of State Protocol

**THAY ĐỔI VỀ TIÊU CHUẨN MUA HÀNG MIỄN THUẾ
CỦA CƠ QUAN SỞ HỮU SỞ
CHANGE OF QUOTA OF DUTY-FREE GOODS**

Danh mục và định lượng được nhập khẩu, tạm nhập khẩu, mua hàng miễn thuế theo quy định tại Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ thay đổi do:

The list and quota of duty-free goods allowed to be imported, temporarily imported, purchased pursuant to Government's Decree No. 134/2016/ND-CP dated 01 September 2016 which was amended and supplemented by Government's Decree No. 18/2021/ND-CP dated 18 March 2021 have changed due to:

Do tăng/giảm số lượng biên chế của cơ quan/Increase/decrease of staff members:..... tổng số/Total:.....

Do đã thanh lý (tái xuất, chuyển nhượng, tiêu hủy)/Re-export, transfer, destruction of..... xe ô tô/Automobiles;..... xe hai bánh gắn máy/Motorcycles

Gồm/Consisting of:

- | | | |
|-----------------------------------|-------|---------------------------|
| 1. Ô tô/Automobile | | Chiếc/vehicle(s) |
| 2. Xe hai bánh gắn máy/Motorcycle | | Chiếc/vehicle(s) |
| 3. Rượu/Wine, alcohol | | Lít/Quý/liter(s)/quarter |
| 4. Bia/Beer | | Lít/Quý/liter(s)/quarter |
| 5. Thuốc lá/Cigarette | | Tút/Quý/carton(s)/quarter |

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

Cục trưởng Cục Lễ tân Nhà nước

Chief of State Protocol

**THAY ĐỔI VỀ TIÊU CHUẨN MUA HÀNG MIỄN THUẾ
CỦA CƠ QUAN SỞ HỮU SỞ
CHANGE OF QUOTA OF DUTY-FREE GOODS**

Danh mục và định lượng được nhập khẩu, tạm nhập khẩu, mua hàng miễn thuế theo quy định tại Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ thay đổi do:

The list and quota of duty-free goods allowed to be imported, temporarily imported, purchased pursuant to Government's Decree No. 134/2016/ND-CP dated 01 September 2016 which was amended and supplemented by Government's Decree No. 18/2021/ND-CP dated 11 March 2021 have changed due to:

Do tăng/giảm số lượng biên chế của cơ quan/Increase/decrease of staff members:..... tổng số/Total:.....

Do đã thanh lý (tái xuất, chuyển nhượng, tiêu hủy)/Re-export, transfer, destruction of..... xe ô tô/Automobiles;..... xe hai bánh gắn máy/Motorcycles

Gồm/Consisting of:

- | | |
|-----------------------------------|---------------------------------|
| 1. Ô tô/Automobile | Chiếc/vehicle(s) |
| 2. Xe hai bánh gắn máy/Motorcycle | Chiếc/vehicle(s) |
| 3. Rượu/Wine, alcohol | Lít/Quý/liter(s)/quarter |
| 4. Bia/Beer | Lít/Quý/liter(s)/quarter |
| 5. Thuốc lá/Cigarette | Tút/Quý/carton(s)/quarter |

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

Cục trưởng Cục Lễ tân Nhà nước

Chief of State Protocol

**THAY ĐỔI VỀ TIÊU CHUẨN MUA HÀNG MIỄN THUẾ
CỦA CƠ QUAN SỞ HỮU SỞ
CHANGE OF QUOTA OF DUTY-FREE GOODS**

Danh mục và định lượng được nhập khẩu, tạm nhập khẩu, mua hàng miễn thuế theo quy định tại Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ thay đổi do:

The list and quota of duty-free goods allowed to be imported, temporarily imported, purchased pursuant to Government's Decree No. 134/2016/ND-CP dated 01 September 2016 which was amended and supplemented by Government's Decree No. 18/2021/ND-CP dated 11 March 2021 have changed due to:

Do tăng/giảm số lượng biên chế của cơ quan/Increase/decrease of staff members:..... tổng số/Total:.....

Do đã thanh lý (tái xuất, chuyển nhượng, tiêu hủy)/Re-export, transfer, destruction of..... xe ô tô/Automobiles;..... xe hai bánh gắn máy/Motorcycles

Gồm/Consisting of:

- | | |
|-----------------------------------|---------------------------------|
| 1. Ô tô/Automobile | Chiếc/vehicle(s) |
| 2. Xe hai bánh gắn máy/Motorcycle | Chiếc/vehicle(s) |
| 3. Rượu/Wine, alcohol | Lít/Quý/liter(s)/quarter |
| 4. Bia/Beer | Lít/Quý/liter(s)/quarter |
| 5. Thuốc lá/Cigarette | Tút/Quý/carton(s)/quarter |

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

Cục trưởng Cục Lễ tân Nhà nước

Chief of State Protocol

**THEO DÕI ĐỊNH LƯỢNG MIỄN THUẾ MẶT HÀNG XE Ô TÔ,
XE HAI BÁNH GẮN MÁY/THE QUOTA OF DUTY-FREE GOODS
(AUTOMOBILE, MOTORCYCLE)**

1. Giấy tạm nhập khẩu số/Number of permit for temporary import.....
ngày/dated..... của Cục Hải quan tỉnh, thành phố/Issued by Provincial or
Municipal Customs Department of.....

Số lượng/Quantity: xe ô tô/Automobile(s);
..... xe hai bánh gắn máy/Motorcycle(s).

Đóng dấu treo của cơ quan Hải quan nơi cấp Giấy tạm nhập khẩu/Hanging seal
of Customs Department By which the permit for temporary import was issued

2. Giấy tạm nhập khẩu số/Number of permit for temporary import.....
ngày/dated..... của Cục Hải quan tỉnh, thành phố/Issued by Provincial or
Municipal Customs Department of.....

Số lượng/Quantity: xe ô tô/Automobile(s);
..... xe hai bánh gắn máy/Motorcycle(s).

Đóng dấu treo của cơ quan Hải quan nơi cấp Giấy tạm nhập khẩu/Hanging seal
of Customs Department By which the permit for temporary import was issued

3. Giấy tạm nhập khẩu số/Number of permit for temporary import.....
ngày/dated..... của Cục Hải quan tỉnh, thành phố/Issued by Provincial or
Municipal Customs Department of.....

Số lượng/Quantity: xe ô tô/Automobile(s);
..... xe hai bánh gắn máy/Motorcycle(s).

Đóng dấu treo của cơ quan Hải quan nơi cấp Giấy tạm nhập khẩu/Hanging seal
of Customs Department By which the permit for temporary import was issued

Ghi chú: Cục Hải quan tỉnh, thành phố khi cập nhật thông tin Giấy tạm nhập
khẩu tại trang này, thực hiện đóng dấu treo của đơn vị.

**THEO DÕI ĐỊNH LƯỢNG MIỄN THUẾ MẶT HÀNG XE Ô TÔ,
XE HAI BÁNH GẮN MÁY/THE QUOTA OF DUTY-FREE GOODS
(AUTOMOBILE, MOTORCYCLE)**

4. Giấy tạm nhập khẩu số/Number of permit for temporary import.....
ngày/dated..... của Cục Hải quan tỉnh, thành phố/Issued by Provincial or
Municipal Customs Department of.....

Số lượng/Quantity: xe ô tô/Automobile(s);

..... xe hai bánh gắn máy/Motorcycle(s).

Đóng dấu treo của cơ quan Hải quan nơi cấp Giấy tạm nhập khẩu/Hanging seal
of Customs Department By which the permit for temporary import was issued

5. Giấy tạm nhập khẩu số/Number of permit for temporary import.....
ngày/dated..... của Cục Hải quan tỉnh, thành phố/Issued by Provincial or
Municipal Customs Department of.....

Số lượng/Quantity: xe ô tô/Automobile(s);

..... xe hai bánh gắn máy/Motorcycle(s).

Đóng dấu treo của cơ quan Hải quan nơi cấp Giấy tạm nhập khẩu/Hanging seal
of Customs Department By which the permit for temporary import was issued

6. Giấy tạm nhập khẩu số/Number of permit for temporary import.....
ngày/dated..... của Cục Hải quan tỉnh, thành phố/Issued by Provincial or
Municipal Customs Department of.....

Số lượng/Quantity: xe ô tô/Automobile(s);

..... xe hai bánh gắn máy/Motorcycle(s).

Đóng dấu treo của cơ quan Hải quan nơi cấp Giấy tạm nhập khẩu/Hanging seal
of Customs Department By which the permit for temporary import was issued

Ghi chú: Cục Hải quan tỉnh, thành phố khi cập nhật thông tin Giấy tạm nhập
khẩu tại trang này, thực hiện đóng dấu treo của đơn vị.

BỊ CHÚ/OBSERVATION

Phụ lục tem rượu, bia, thuốc lá
Appendix on stamps of alcohol, beer and cigarettes

1. Phụ lục gồm các loại tem để quản lý 3 mặt hàng: rượu, bia, thuốc lá/The appendix comprises stamps for the management of 3 goods: alcohol, beer and cigarettes.

2. Số Sổ định mức miễn thuế được in trên mỗi tem/The Quota book number is printed on each stamp.

3. Số lượng tem tại Phụ lục phù hợp với định lượng trong 01 năm quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ và văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có)/The quantity of stamps in the Appendix is consistent with the annual quantity stipulated in Appendix I of Government's Decree No. 134/2016/ND-CP dated 01 September 2016 and in the Decree's amending/supplementing documents (if any).

4. Các chủng loại tem/Types of Stamps:

a) Đối với mặt hàng rượu gồm các loại tem: 0,75 lít, 1,5 lít, 2 lít, 3 lít, 4,5 lít, 6 lít, 18 lít được đánh số thứ tự trên mặt tem từ 1 đến hết số lượng tem theo từng quý/Stamps for alcohol: includes types of 0,75 liters, 1,5 liters, 2 liters, 3 liters, 4,5 liters, 6 liters, 18 liters, numbered from 1 to the maximum number as quarterly allowed.

b) Đối với mặt hàng bia gồm các loại tem: 8 lít, 12 lít, 16 lít được đánh số thứ tự từ 1 đến hết số lượng tem theo từng quý/Stamps for beer: includes types of 8 liters, 12 liters, 16 liters, numbered from 1 to the maximum number as quarterly allowed.

c) Đối với mặt hàng thuốc lá gồm loại tem: 1 tút được đánh số thứ tự từ 1 đến hết số lượng tem theo từng quý/Stamps for cigarette: includes types of 1 carton, numbered from 1 to the maximum number as quarterly allowed.

5. Tem ở quý nào chỉ có giá trị sử dụng ở quý đó/Stamp in each quarter is only valid for use in that quarter.

6. Tem này chỉ có giá trị khi xuất trình cùng với Sổ định mức miễn thuế/This stamp is only valid when presented with the Quota book.

Mẫu số 02h2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
INDEPENDENCE - FREEDOM - HAPPINESS

BỘ NGOẠI GIAO
MINISTRY OF FOREIGN AFFAIRS

SỔ ĐỊNH MỨC MIỄN THUẾ
QUOTA BOOK FOR DUTY FREE GOODS

Số số:.....VC/.....

Số quản lý:.....

Sổ viên chức ngoại giao
(Personal book)

HƯỚNG DẪN

1. Sổ định mức miễn thuế được sử dụng để mua hàng miễn thuế tại các cửa hàng miễn thuế ở Việt Nam theo nhiệm kỳ công tác.
2. Sổ định mức miễn thuế được sử dụng khi người được cấp sổ tự nhập khẩu, tạm nhập khẩu hay ủy quyền nhập khẩu, tạm nhập khẩu các hàng hóa vào Việt Nam.
3. Khi mua hàng tại cửa hàng miễn thuế ở Việt Nam, người được cấp Sổ xuất trình:
 - a) Sổ định mức miễn thuế.
 - b) Hộ chiếu hoặc chứng minh thư do Cục Lễ tân Nhà nước - Bộ Ngoại giao cấp.
4. Khi mất Sổ, người được cấp sổ cần thông báo ngay cho Cục Lễ tân Nhà nước - Bộ Ngoại giao.
5. Khi kết thúc nhiệm kỳ công tác, Sổ định mức miễn thuế này phải được gửi trả về Cục Lễ tân Nhà nước - Bộ Ngoại giao.
6. Sổ này gồm 6 trang được đánh số từ trang 1 đến trang 6 (trừ trang bìa), được in trên khổ A5, trang bìa có màu xanh lá cây.
7. Sổ này kèm phụ lục tem rượu, bia, thuốc lá.
8. Bộ Tài chính in, phát hành, quản lý, sử dụng Sổ định mức miễn thuế.

INSTRUCTION

1. The Quota book is used to purchase commodities at Duty Free Shops in Viet Nam within mission term.

2. The quota book is also used when the user of the quota book (the person to whom the quota book is issued) imports commodities by himself/herself or authorises the other to import commodities into Viet Nam.

3. To purchase commodities at Duty Free Shops in Viet Nam, the followings are presented:

a. The quota book.

b. Passport or I.D Card which is granted by the Directorate of State Protocol Ministry of Foreign Affairs.

4. If the book is lost, the user is requested to inform immediately to the Directorate of State Protocol - Ministry of Foreign Affairs.

5. When completing the mission term, the user should return the quota book to the Directorate of State Protocol - Ministry of Foreign Affairs.

6. This book includes 6 pages, is numbered from 1 to 6 (except for the cover page) and printed on A5 size; the cover page is green.

7. This book is attached with stamps of alcohol, beer and cigarettes.

8. The Ministry of Finance prints, issues, manages and uses the quota book.

**XÁC NHẬN CỦA CỤC LỄ TÂN NHÀ NƯỚC BỘ NGOẠI GIAO
VỀ THÂN PHẬN VÀ TIÊU CHUẨN MUA HÀNG MIỄN THUẾ**

Certification of the Directorate of State Protocol

Ông/bà:.....

Mr/Mrs

Chức vụ:.....

Position:

Cơ quan:.....

Mission:

Chứng minh thư số:

ID card:

Được hưởng ưu đãi miễn trừ theo Nghị định số 73/CP ngày 30/7/1994 của Chính phủ

Enjoys the privileges and immunities under the Decree No. 73/CP date 30 Jul. 1994

Từ ngày/from:

Đến ngày/to:.....

Danh mục và định lượng được nhập khẩu, tạm nhập khẩu, mua hàng miễn thuế theo quy định tại Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ gồm:

The list and quota of duty-free goods allowed to be imported, temporarily imported, purchased pursuant to Government's Decree No. 134/2016/ND-CP dated 01 September 2016 which was amended and supplemented by Government's Decree No. 18/2021/ND-CP dated 11 March 2021 consist of:

- | | | |
|-----------------------------------|-------|---------------------------|
| 1. Ô tô/Automobile | | Chiếc/vehicle(s) |
| 2. Xe hai bánh gắn máy/Motorcycle | | Chiếc/vehicle(s) |
| 3. Rượu/Wine, alcohol | | Lít/Quý/liter(s)/quarter |
| 4. Bia/Beer | | Lít/Quý/liter(s)/quarter |
| 5. Thuốc lá/Cigarette | | Tút/Quý/carton(s)/quarter |

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

Cục trưởng Cục Lễ tân Nhà nước

Chief of State Protocol

**THEO DÕI ĐỊNH LƯỢNG MIỄN THUẾ MẶT HÀNG XE Ô TÔ,
XE HAI BÁNH GẮN MÁY/THE QUOTA OF DUTY-FREE GOODS
(AUTOMOBILE, MOTORCYCLE)**

1. Giấy tạm nhập khẩu số/Number of permit for temporary import.....
ngày/dated..... của Cục Hải quan tỉnh, thành phố/Issued by Provincial or
Municipal Customs Department of.....

Số lượng/Quantity: xe ô tô/Automobile(s);
..... xe hai bánh gắn máy/Motorcycle(s).

Đóng dấu treo của cơ quan Hải quan nơi cấp Giấy tạm nhập khẩu/Hanging seal
of Customs Department By which the permit for temporary import was issued

2. Giấy tạm nhập khẩu số/Number of permit for temporary import.....
ngày/dated..... của Cục Hải quan tỉnh, thành phố/Issued by Provincial or
Municipal Customs Department of.....

Số lượng/Quantity: xe ô tô/Automobile(s);
..... xe hai bánh gắn máy/Motorcycle(s).

Đóng dấu treo của cơ quan Hải quan nơi cấp Giấy tạm nhập khẩu/Hanging seal
of Customs Department By which the permit for temporary import was issued

3. Giấy tạm nhập khẩu số/Number of permit for temporary import.....
ngày/dated..... của Cục Hải quan tỉnh, thành phố/Issued by Provincial or
Municipal Customs Department of.....

Số lượng/Quantity: xe ô tô/Automobile(s);
..... xe hai bánh gắn máy/Motorcycle(s).

Đóng dấu treo của cơ quan Hải quan nơi cấp Giấy tạm nhập khẩu/Hanging seal
of Customs Department By which the permit for temporary import was issued

Ghi chú:

- Người kế nhiệm chỉ được tạm nhập khẩu xe ô tô, xe hai bánh gắn máy khi người tiền nhiệm đã hoàn thành thủ tục tái xuất hoặc tiêu hủy hoặc chuyển nhượng xe ô tô, xe hai bánh gắn máy theo quy định. Trường hợp người kế nhiệm nhận chuyển nhượng xe ô tô của người tiền nhiệm, Bộ Ngoại giao thực hiện cấp tiêu chuẩn tạm nhập khẩu tại sổ định mức miễn thuế khi xe ô tô tạm nhập khẩu của người tiền nhiệm chưa hoàn thành thủ tục chuyển nhượng theo quy định, Bộ Ngoại giao ghi thông tin về người tiền nhiệm, thông tin về xe của người tiền nhiệm trên trang bị chú của sổ định mức hàng miễn thuế.

- Cục Hải quan tỉnh, thành phố khi cập nhật thông tin Giấy tạm nhập khẩu tại trang này, thực hiện đóng dấu treo của đơn vị.

BỊ CHÚ/OBSERVATION

Phụ lục tem rượu, bia, thuốc lá
Appendix on stamps of alcohol, beer and cigarettes

1. Phụ lục gồm các loại tem để quản lý 3 mặt hàng: rượu, bia, thuốc lá/The appendix comprises stamps for the management of 3 goods: alcohol, beer and cigarettes.

2. Số Sổ định mức miễn thuế được in trên mỗi tem/The Quota book number is printed on each stamp.

3. Số lượng tem tại Phụ lục phù hợp với định lượng trong 01 năm quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ và văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có)/The quantity of stamps in the Appendix is consistent with the annual quantity stipulated in Appendix I of Government's Decree No. 134/2016/ND-CP dated 01 September 2016 and in the Decree's amending/supplementing documents (if any).

4. Các chủng loại tem/Types of Stamps:

a) Đối với mặt hàng rượu gồm các loại tem: 0,75 lít, 1,5 lít, 2 lít, 3 lít, 4,5 lít, 6 lít, 18 lít được đánh số thứ tự trên mặt tem từ 1 đến hết số lượng tem theo từng quý/Stamps for alcohol: includes types of 0,75 liters, 1,5 liters, 2 liters, 03 liters, 4,5 liters, 6 liters, 18 liters, numbered from 1 to the maximum number as quarterly allowed.

b) Đối với mặt hàng bia gồm các loại tem: 8 lít, 12 lít, 16 lít được đánh số thứ tự từ 1 đến hết số lượng tem theo từng quý/Stamps for beer: includes types of 8 liters, 12 liters, 16 liters, numbered from 1 to the maximum number as quarterly allowed.

c) Đối với mặt hàng thuốc lá gồm loại tem: 1 tüt được đánh số thứ tự từ 1 đến hết số lượng tem theo từng quý/Stamps for cigarette: includes types of 1 carton, numbered from 1 to the maximum number as quarterly allowed.

5. Tem ở quý nào chỉ có giá trị sử dụng ở quý đó/Stamp in each quarter is only valid for use in that quarter.

6. Tem này chỉ có giá trị khi xuất trình cùng với sổ định mức miễn thuế/This stamp is only valid when presented with the Quota book.

Mẫu số 02h3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
INDEPENDENCE - FREEDOM - HAPPINESS

BỘ NGOẠI GIAO
MINISTRY OF FOREIGN AFFAIRS

SỔ ĐỊNH MỨC MIỄN THUẾ
QUOTA BOOK FOR DUTY FREE GOODS

Số số:.....NV/.....

Số quản lý:.....

Sổ nhân viên
(Executive staff book)

HƯỚNG DẪN

1. Sổ định mức miễn thuế được sử dụng để mua hàng miễn thuế tại các cửa hàng miễn thuế ở Việt Nam theo nhiệm kỳ công tác.
2. Sổ định mức miễn thuế được sử dụng khi người được cấp sổ tự nhập khẩu, tạm nhập khẩu hay ủy quyền nhập khẩu, tạm nhập khẩu các hàng hóa vào Việt Nam.
3. Khi mua hàng tại cửa hàng miễn thuế ở Việt Nam, người được cấp sổ xuất trình:
 - a) Sổ định mức miễn thuế.
 - b) Hộ chiếu hoặc chứng minh thư do Cục Lễ tân Nhà nước - Bộ Ngoại giao cấp.
4. Khi mất Sổ, người được cấp Sổ cần thông báo ngay cho Cục Lễ tân Nhà nước - Bộ Ngoại giao.
5. Khi kết thúc nhiệm kỳ công tác, Sổ định mức miễn thuế này phải được gửi trả về Cục Lễ tân Nhà nước - Bộ Ngoại giao.
6. Sổ này gồm 6 trang được đánh số từ trang 1 đến trang 6 (trừ trang bìa), được in trên khổ A5, trang bìa có xanh da trời.
7. Sổ này kèm phụ lục tem rượu, bia, thuốc lá.
8. Bộ Tài chính in, phát hành, quản lý, sử dụng Sổ định mức miễn thuế.

INSTRUCTION

1. The Quota book is used to purchase commodities at Duty Free Shops in Viet Nam within mission term.
2. The quota book is also used when the user of the quota book (the person to whom the quota book is issued) imports commodities by himself/herself or authorises the other to import commodities into Viet Nam.
3. To purchase commodities at Duty Free Shops in Viet Nam, the followings are presented:
 - a. The quota book.
 - b. I.D Card which is granted by the Directorate of State Protocol Ministry of Foreign Affairs.
4. If the book is lost, the user is requested to inform immediately to the Directorate of State Protocol - Ministry of Foreign Affairs.
5. When completing the mission term, the user should return the quota book to the Directorate of State Protocol - Ministry of Foreign Affairs.
6. This book includes 6 pages, is numbered from 1 to 6 (except for the cover page) and printed on A5 size; the cover page is blue.
7. This book is attached with stamps of alcohol, beer and cigarettes.
8. The Ministry of Finance prints, issues, manages and uses the quota book.

**XÁC NHẬN CỦA CỤC LỄ TÂN NHÀ NƯỚC BỘ NGOẠI GIAO
VỀ THÂN PHẬN VÀ TIÊU CHUẨN MUA HÀNG MIỄN THUẾ**

Certification of the Directorate of State Protocol

Ông/bà:.....

Mr/Mrs

Chức vụ:.....

Position:

Cơ quan:.....

Mission:

Chứng minh thư số:

ID card:

Được hưởng ưu đãi miễn trừ theo Nghị định số 73/CP ngày 30/7/1994 của Chính phủ

Enjoys the privileges and immunities under the Decree No. 73/CP date 30 Jul. 1994

Từ ngày/from:

Đến ngày/to:.....

Danh mục và định lượng được nhập khẩu, tạm nhập khẩu, mua hàng miễn thuế theo quy định tại Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ gồm:

The list and quota of duty-free goods allowed to be imported, temporarily imported, purchased pursuant to Government's Decree No. 134/2016/ND-CP dated 01 September 2016 which was amended and supplemented by Government's Decree No. 18/2021/ND-CP dated 11 March 2021 consist of:

- | | | |
|-----------------------------------|-------|---------------------------|
| 1. Ô tô/Automobile | | Chiếc/vehicle(s) |
| 2. Xe hai bánh gắn máy/Motorcycle | | Chiếc/vehicle(s) |
| 3. Rượu/Wine, alcohol | | Lít/Quý/liter(s)/quarter |
| 4. Bia/Beer | | Lít/Quý/liter(s)/quarter |
| 5. Thuốc lá/Cigarette | | Tút/Quý/carton(s)/quarter |

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

Cục trưởng Cục Lễ tân Nhà nước

Chief of State Protocol

**THEO DÕI ĐỊNH LƯỢNG MIỄN THUẾ MẶT HÀNG XE Ô TÔ,
XE HAI BÁNH GẮN MÁY/THE QUOTA OF DUTY-FREE GOODS
(AUTOMOBILE, MOTORCYCLE)**

1. Giấy tạm nhập khẩu số/Number of permit for temporary import.....
ngày/dated..... của Cục Hải quan tỉnh, thành phố/Issued by Provincial or
Municipal Customs Department of.....

Số lượng/Quantity: xe ô tô/Automobile(s);
..... xe hai bánh gắn máy/Motorcycle(s).

Đóng dấu treo của cơ quan Hải quan nơi cấp Giấy tạm nhập khẩu/Hanging seal
of Customs Department By which the permit for temporary import was issued

2. Giấy tạm nhập khẩu số/Number of permit for temporary import.....
ngày/dated..... của Cục Hải quan tỉnh, thành phố/Issued by Provincial or
Municipal Customs Department of.....

Số lượng/Quantity: xe ô tô/Automobile(s);
..... xe hai bánh gắn máy/Motorcycle(s).

Đóng dấu treo của cơ quan Hải quan nơi cấp Giấy tạm nhập khẩu/Hanging seal
of Customs Department By which the permit for temporary import was issued

3. Giấy tạm nhập khẩu số/Number of permit for temporary import.....
ngày/dated..... của Cục Hải quan tỉnh, thành phố/Issued by Provincial or
Municipal Customs Department of.....

Số lượng/Quantity: xe ô tô/Automobile(s);
..... xe hai bánh gắn máy/Motorcycle(s).

Đóng dấu treo của cơ quan Hải quan nơi cấp Giấy tạm nhập khẩu/Hanging seal
of Customs Department By which the permit for temporary import was issued

Ghi chú:

- Người kế nhiệm chỉ được tạm nhập khẩu xe ô tô, xe hai bánh gắn máy khi người tiền nhiệm đã hoàn thành thủ tục tái xuất hoặc tiêu hủy hoặc chuyển nhượng xe ô tô, xe hai bánh gắn máy theo quy định. Trường hợp người kế nhiệm nhận chuyển nhượng xe ô tô của người tiền nhiệm, Bộ Ngoại giao thực hiện cấp tiêu chuẩn tạm nhập khẩu tại số định mức miễn thuế khi xe ô tô tạm nhập khẩu của người tiền nhiệm chưa hoàn thành thủ tục chuyển nhượng theo quy định, Bộ Ngoại giao ghi thông tin về người tiền nhiệm, thông tin về xe của người tiền nhiệm trên trang bị chú của số định mức hàng miễn thuế.

- Cục Hải quan tỉnh, thành phố khi cập nhật thông tin Giấy tạm nhập khẩu tại trang này, thực hiện đóng dấu treo của đơn vị.

BỊ CHÚ/OBSERVATION

Phụ lục tem rượu, bia, thuốc lá
Appendix on stamps of alcohol, beer and cigarettes

1. Phụ lục gồm các loại tem để quản lý 3 mặt hàng: rượu, bia, thuốc lá/The appendix comprises stamps for the management of 3 goods: alcohol, beer and cigarettes.

2. Số Sổ định mức miễn thuế được in trên mỗi tem/The Quota book number is printed on each stamp.

3. Số lượng tem tại Phụ lục phù hợp với định lượng trong 01 năm quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ và văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có)/The quantity of stamps in the Appendix is consistent with the annual quantity stipulated in Appendix I of Government's Decree No. 134/2016/ND-CP dated 01 September 2016 and in the Decree's amending/supplementing documents (if any).

4. Các chủng loại tem/Types of Stamps:

a) Đối với mặt hàng rượu gồm các loại tem: 0,75 lít, 1,5 lít, 2 lít, 3 lít, 4,5 lít, 6 lít, 18 lít được đánh số thứ tự trên mặt tem từ 1 đến hết số lượng tem theo từng quý/Stamps for alcohol: includes types of 0,75 liters, 1,5 liters, 2 liters, 03 liters, 4,5 liters, 6 liters, 18 liters, numbered from 1 to the maximum number as quarterly allowed.

b) Đối với mặt hàng bia gồm các loại tem: 8 lít, 12 lít, 16 lít được đánh số thứ tự từ 1 đến hết số lượng tem theo từng quý/Stamps for beer: includes types of 8 liters, 12 liters, 16 liters, numbered from 1 to the maximum number as quarterly allowed.

c) Đối với mặt hàng thuốc lá gồm loại tem: 1 tút được đánh số thứ tự từ 1 đến hết số lượng tem theo từng quý/Stamps for cigarette: includes types of 1 carton, numbered from 1 to the maximum number as quarterly allowed.

5. Tem ở quý nào chỉ có giá trị sử dụng ở quý đó/Stamp in each quarter is only valid for use in that quarter.

6. Tem này chỉ có giá trị khi xuất trình cùng với Sổ định mức miễn thuế/This stamp is only valid when presented with the Quota book.

Mẫu số 02h4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
INDEPENDENCE - FREEDOM - HAPPINESS

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

SỔ ĐỊNH MỨC MIỄN THUẾ
QUOTA BOOK FOR DUTY FREE GOODS

Số số:.....TC/.....

Sổ quản lý:.....

Sổ tổ chức
(Office book)

HƯỚNG DẪN

1. Sổ định mức miễn thuế được sử dụng khi người được cấp Sổ tự nhập khẩu hay ủy thác nhập khẩu hàng hóa vào Việt Nam.
2. Khi mất Sổ, cơ quan được cấp sổ cần thông báo ngay cho Cục Hải quan tỉnh, thành phố nơi cấp Sổ.
3. Khi thay Sổ mới, cơ quan được cấp Sổ phải gửi trả Sổ định mức miễn thuế này về Cục Hải quan tỉnh, thành phố nơi cấp Sổ.
4. Sổ này gồm 08 trang được đánh số từ trang 1 đến trang 8 (trừ trang bìa), được in trên khổ A5, trang bìa có màu vàng.
5. Sổ này kèm phụ lục tem rượu, bia, thuốc lá.
6. Bộ Tài chính in, phát hành, quản lý, sử dụng Sổ định mức miễn thuế.

INSTRUCTION

1. The quota book is also used when the user of the quota book (the person to whom the quota book is issued) imports commodities by himself/herself or authorizes the other import commodities into Vietnam.
2. If the book is lost, the user is requested to inform immediately to the Provincial or Municipal Customs Department.
3. If change the book, the user should return the quota book to the Provincial or Municipal Customs Department.
4. This book includes 08 pages, is numbered from 1 to 8 (except for the cover page) and printed on A5 size; the cover page is yellow.
5. This book is attached with stamps of alcohol, beer and cigarettes.
6. The Ministry of Finance prints, issues, manages and uses the quota book.

Xác nhận của cơ quan sở hữu Sổ định mức miễn thuế:

Cơ quan/Mission:.....

Địa chỉ/Address:.....

Điện thoại/Telephone:.....

Số lượng biên chế của cơ quan/Number of staff members:

....., ngày... tháng... năm...

Người đứng đầu cơ quan

(Ký tên, đóng dấu)

The Head of Mission

(Signed and Sealed)

**XÁC NHẬN CỦA CỤC HẢI QUAN TỈNH, THÀNH PHỐ
VỀ THÂN PHẬN VÀ TIÊU CHUẨN MUA HÀNG MIỄN THUẾ**

Certification of the Provincial or Municipal Customs Department.

Cơ quan:

Mission

Số lượng người:

Number of Staff Members

Được hưởng ưu đãi theo Điều ước..... hoặc thỏa thuận..... từ ngày

Enjoys the privileges and immunities under..... date

Chúng loại và định lượng được nhập khẩu, tạm nhập khẩu, mua hàng miễn thuế theo Điều ước/thỏa thuận/Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủng loại và định lượng hàng hóa nhập khẩu miễn thuế theo Điều ước quốc tế/thỏa thuận giữa Chính phủ Việt Nam với tổ chức phi Chính phủ nước ngoài gồm:

The list and quota of duty-free goods allowed to be imported, temporarily imported, purchased as stipulated in Treaties/Agreements/Prime Minister's Decisions approving the list and quota of duty-free imported goods according to International Treaties/Agreements between the Government of Viet Nam and foreign non-government organizations consist of:

- | | |
|-----------------------------------|---------------------------------|
| 1. Ô tô/Automobile | Chiếc/vehicle(s) |
| 2. Xe hai bánh gắn máy/Motorcycle | Chiếc/vehicle(s) |
| 3. Rượu/Wine, alcohol | Lít/Quý/liter(s)/quarter |
| 4. Bia/Beer | Lít/Quý/liter(s)/quarter |
| 5. Thuốc lá/Cigarette | Tút/Quý/carton(s)/quarter |

..., ngày... tháng... năm...

Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, thành phố

Chief of Provincial or Municipal Customs Department

**THEO DÕI ĐỊNH LƯỢNG MIỄN THUẾ MẶT HÀNG XE Ô TÔ,
XE HAI BÁNH GẮN MÁY/THE QUOTA OF DUTY-FREE GOODS
(AUTOMOBILE, MOTORCYCLE)**

1. Giấy tạm nhập khẩu số/Number of permit for temporary import.....
ngày/dated..... của Cục Hải quan tỉnh, thành phố/Issued by Provincial or
Municipal Customs Department of.....

Số lượng/Quantity: xe ô tô/Automobile(s);

..... xe hai bánh gắn máy/Motorcycle(s).

Đóng dấu treo của cơ quan Hải quan nơi cấp Giấy tạm nhập khẩu/Hanging seal
of Customs Department By which the permit for temporary import was issued

2. Giấy tạm nhập khẩu số/Number of permit for temporary import.....
ngày/dated..... của Cục Hải quan tỉnh, thành phố/Issued by Provincial or
Municipal Customs Department of.....

Số lượng/Quantity: xe ô tô/Automobile(s);

..... xe hai bánh gắn máy/Motorcycle(s).

Đóng dấu treo của cơ quan Hải quan nơi cấp Giấy tạm nhập khẩu/Hanging seal
of Customs Department By which the permit for temporary import was issued

3. Giấy tạm nhập khẩu số/Number of permit for temporary import.....
ngày/dated..... của Cục Hải quan tỉnh, thành phố/Issued by Provincial or
Municipal Customs Department of.....

Số lượng/Quantity: xe ô tô/Automobile(s);

..... xe hai bánh gắn máy/Motorcycle(s).

Đóng dấu treo của cơ quan Hải quan nơi cấp Giấy tạm nhập khẩu/Hanging seal of Customs Department By which the permit for temporary import was issued

Ghi chú: Cục Hải quan tỉnh, thành phố khi cập nhật thông tin Giấy tạm nhập khẩu tại trang này, thực hiện đóng dấu treo của đơn vị.

4. Giấy tạm nhập khẩu số/Number of permit for temporary import..... ngày/dated..... của Cục Hải quan tỉnh, thành phố/Issued by Provincial or Municipal Customs Department of.....

Số lượng/Quantity: xe ô tô/Automobile(s);
..... xe hai bánh gắn máy/Motorcycle(s).

Đóng dấu treo của cơ quan Hải quan nơi cấp Giấy tạm nhập khẩu/Hanging seal of Customs Department By which the permit for temporary import was issued

5. Giấy tạm nhập khẩu số/Number of permit for temporary import..... ngày/dated..... của Cục Hải quan tỉnh, thành phố/Issued by Provincial or Municipal Customs Department of.....

Số lượng/Quantity: xe ô tô/Automobile(s);
..... xe hai bánh gắn máy/Motorcycle(s).

Đóng dấu treo của cơ quan Hải quan nơi cấp Giấy tạm nhập khẩu/Hanging seal of Customs Department By which the permit for temporary import was issued

6. Giấy tạm nhập khẩu số/Number of permit for temporary import..... ngày/dated..... của Cục Hải quan tỉnh, thành phố/Issued by Provincial or Municipal Customs Department of.....

Số lượng/Quantity: xe ô tô/Automobile(s);
 xe hai bánh gắn máy/Motorcycle(s).

Đóng dấu treo của cơ quan Hải quan nơi cấp Giấy tạm nhập khẩu/Hanging seal of Customs Department By which the permit for temporary import was issued

Ghi chú: Cục Hải quan tỉnh, thành phố khi cập nhật thông tin Giấy tạm nhập khẩu tại trang này, thực hiện đóng dấu treo của đơn vị.

7. Giấy tạm nhập khẩu số/Number of permit for temporary import..... ngày/dated..... của Cục Hải quan tỉnh, thành phố/Issued by Provincial or Municipal Customs Department of.....

Số lượng/Quantity: xe ô tô/Automobile(s);
 xe hai bánh gắn máy/Motorcycle(s).

Đóng dấu treo của cơ quan Hải quan nơi cấp Giấy tạm nhập khẩu/Hanging seal of Customs Department By which the permit for temporary import was issued

8. Giấy tạm nhập khẩu số/Number of permit for temporary import..... ngày/dated..... của Cục Hải quan tỉnh, thành phố/Issued by Provincial or Municipal Customs Department of.....

Số lượng/Quantity: xe ô tô/Automobile(s);
 xe hai bánh gắn máy/Motorcycle(s).

Đóng dấu treo của cơ quan Hải quan nơi cấp Giấy tạm nhập khẩu/Hanging seal of Customs Department By which the permit for temporary import was issued

9. Giấy tạm nhập khẩu số/Number of permit for temporary import..... ngày/dated..... của Cục Hải quan tỉnh, thành phố/Issued by Provincial or Municipal Customs Department of.....

Số lượng/Quantity: xe ô tô/Automobile(s);
..... xe hai bánh gắn máy/Motorcycle(s).

Đóng dấu treo của cơ quan Hải quan nơi cấp Giấy tạm nhập khẩu/Hanging seal
of Customs Department By which the permit for temporary import was issued

Ghi chú: Cục Hải quan tỉnh, thành phố khi cập nhật thông tin Giấy tạm nhập
khẩu tại trang này, thực hiện đóng dấu treo của đơn vị.

BỊ CHÚ/OBSERVATION

Phụ lục tem rượu, bia, thuốc lá
Appendix on stamps of alcohol, beer and cigarettes

1. Phụ lục gồm các loại tem để quản lý 3 mặt hàng: rượu, bia, thuốc lá/The appendix comprises stamps for the management of 3 goods: alcohol, beer and cigarettes.

2. Số Sổ định mức miễn thuế được in trên mỗi tem/The Quota book number is printed on each stamp.

3. Số lượng tem mặt hàng rượu, bia, thuốc lá tại Phụ lục phù hợp với định lượng miễn thuế quy định tại điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận giữa Chính phủ Việt Nam với tổ chức phi Chính phủ nước ngoài hoặc định lượng tại Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủng loại và định lượng hàng hóa nhập khẩu miễn thuế theo Điều ước quốc tế/thỏa thuận giữa Chính phủ Việt Nam với tổ chức phi Chính phủ nước ngoài/The quantity of stamps for the management of alcohol, beer and cigarettes in the Appendix is consistent with the duty-free quota stipulated in international treaties/agreements between the Government of Viet Nam and foreign non-government organizations or consistent with the quota stipulated in the Prime Minister's Decision approving the list and quota of duty-free imported goods according to international treaties/agreements between the Government of Viet Nam and foreign non-government organizations.

4. Các chủng loại tem/Types of Stamps:

a) Đối với mặt hàng rượu gồm các loại tem: 0,75 lít, 1,5 lít, 2 lít, 3 lít, 4,5 lít, 6 lít, 18 lít được đánh số thứ tự trên mặt tem từ 1 đến hết số lượng tem theo từng quý/Stamps for alcohol: includes types of 0,75 liters, 1,5 liters, 2 liters, 03 liters, 4,5 liters, 6 liters, 18 liters, numbered from 1 to the maximum number as quarterly allowed.

b) Đối với mặt hàng bia gồm các loại tem: 8 lít, 12 lít, 16 lít được đánh số thứ tự từ 1 đến hết số lượng tem theo từng quý/Stamps for beer: includes types of

8 liters, 12 liters, 16 liters, numbered from 1 to the maximum number as quarterly allowed.

c) Đối với mặt hàng thuốc lá gồm loại tem: 1 tút được đánh số thứ tự từ 1 đến hết số lượng tem theo từng quý/Stamps for cigarette: includes types of 1 carton, numbered from 1 to the maximum number as quarterly allowed.

5. Tem này chỉ có giá trị khi xuất trình cùng với Sổ định mức miễn thuế/This stamp is only valid when presented with the Quota book.

(Xem tiếp Công báo số 791 + 792)

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ TÀI CHÍNH

**Văn bản hợp nhất số 11/VBHN-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2023
hợp nhất Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành
Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu**

(Tiếp theo Công báo số 789 + 790)

Phụ lục VII

**BIỂU MẪU MIỄN THUẾ, GIẢM THUẾ,
HOÀN THUẾ, KHÔNG THU THUẾ**
*(Kèm theo Nghị định số 18/2021/NĐ-CP
ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ)*

Mẫu số 02h5

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
INDEPENDENCE - FREEDOM - HAPPINESS

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

SỔ ĐỊNH MỨC MIỄN THUẾ
QUOTA BOOK FOR DUTY FREE GOODS

Số số:.....CN/.....

Sổ quản lý:.....

Sổ cá nhân
(Personal book)

HƯỚNG DẪN

1. Sổ định mức miễn thuế được sử dụng khi người được cấp sổ tự nhập khẩu, tạm nhập khẩu hay ủy quyền nhập khẩu, tạm nhập khẩu các hàng hóa vào Việt Nam.
2. Khi mất Sổ, người được cấp Sổ cần thông báo ngay cho Cục Hải quan tỉnh, thành phố nơi cấp Sổ.
3. Khi kết thúc nhiệm kỳ công tác, Sổ định mức miễn thuế này phải được gửi trả về Cục Hải quan tỉnh, thành phố nơi cấp Sổ.
4. Sổ này gồm 06 trang được đánh số từ trang 1 đến trang 6 (trừ trang bìa), được in trên khổ A5, trang bìa có màu da cam.
5. Sổ này kèm phụ lục tem rượu, bia, thuốc lá.
6. Bộ Tài chính in, phát hành, quản lý, sử dụng Sổ định mức miễn thuế.

INSTRUCTION

1. The quota book is also used when the user of the quota book (the person to whom the quota book is issued) imports commodities by himself/herself or authorizes the other to import commodities into Viet Nam.
2. If the book is lost, the user is requested to inform immediately to the Provincial or Municipal Customs Department issues the book.
3. When completing the mission term, the user should return the quota book to the Provincial or Municipal Customs Department issues the book.
4. This book includes 06 pages, is numbered from 1 to 6 (except for the cover page) and printed on A5 size; the cover page is orange.
5. This book is attached with stamps of alcohol, beer and cigarettes.
6. The Ministry of Finance prints, issues, manages and uses the quota book.

**XÁC NHẬN CỦA CỤC HẢI QUAN TỈNH, THÀNH PHỐ
VỀ THÂN PHẬN VÀ TIÊU CHUẨN MUA HÀNG MIỄN THUẾ**

Certification of the Provincial or Municipal Customs Department

Ông/bà:

Mr/Mrs

Chức vụ:

Position:

Cơ quan:

Mission:

Được hưởng ưu đãi theo Điều ước..... hoặc thỏa thuận..... từ ngày.....

Enjoys the privileges and immunities under..... date

Chủng loại và định lượng được nhập khẩu, tạm nhập khẩu, mua hàng miễn thuế theo Điều ước/thỏa thuận/Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủng loại và định lượng hàng hóa nhập khẩu miễn thuế theo Điều ước quốc tế/thỏa thuận giữa Chính phủ Việt Nam với tổ chức phi Chính phủ nước ngoài gồm:

The list and quota of duty-free goods allowed to be imported, temporarily imported, purchased as stipulated in Treaties/Agreements/Prime Minister's Decisions approving the list and quota of duty-free imported goods according to International Treaties/Agreements between the Government of Viet Nam and foreign non-Government organizations consist of:

- | | | |
|-----------------------------------|-------|---------------------------|
| 1. Ô tô/Automobile | | Chiếc/vehicle(s) |
| 2. Xe hai bánh gắn máy/Motorcycle | | Chiếc/vehicle(s) |
| 3. Rượu/Wine, alcohol | | Lít/Quý/liter(s)/quarter |
| 4. Bia/Beer | | Lít/Quý/liter(s)/quarter |
| 5. Thuốc lá/Cigarette | | Tút/Quý/carton(s)/quarter |
| 6. Hàng hóa khác/Others | | |

..., ngày... tháng... năm...

Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, thành phố
Chief of Provincial or Municipal Customs Department

**THEO DÕI ĐỊNH LƯỢNG MIỄN THUẾ MẶT HÀNG XE Ô TÔ,
XE HAI BÁNH GẮN MÁY/THE QUOTA OF DUTY-FREE GOODS
(AUTOMOBILE, MOTORCYCLE)**

1. Giấy tạm nhập khẩu số/Number of permit for temporary import.....
ngày/dated..... của Cục Hải quan tỉnh, thành phố/Issued by Provincial or
Municipal Customs Department of.....

Số lượng/Quantity: xe ô tô/Automobile(s);
..... xe hai bánh gắn máy/Motorcycle(s).

Đóng dấu treo của cơ quan Hải quan nơi cấp Giấy tạm nhập khẩu/Hanging seal
of Customs Department By which the permit for temporary import was issued

2. Giấy tạm nhập khẩu số/Number of permit for temporary import.....
ngày/dated..... của Cục Hải quan tỉnh, thành phố/Issued by Provincial or
Municipal Customs Department of.....

Số lượng/Quantity: xe ô tô/Automobile(s);
..... xe hai bánh gắn máy/Motorcycle(s).

Đóng dấu treo của cơ quan Hải quan nơi cấp Giấy tạm nhập khẩu/Hanging seal
of Customs Department By which the permit for temporary import was issued

Ghi chú: Cục Hải quan tỉnh, thành phố khi cập nhật thông tin Giấy tạm nhập
khẩu tại trang này, thực hiện đóng dấu treo của đơn vị.

BỊ CHÚ/OBSERVATION

Phụ lục tem rượu, bia, thuốc lá
Appendix on stamps of alcohol, beer and cigarettes

1. Phụ lục gồm các loại tem để quản lý 3 mặt hàng: rượu, bia, thuốc lá/The appendix comprises stamps for the management of 3 goods: alcohol, beer and cigarettes.

2. Số Sổ định mức miễn thuế được in trên mỗi tem/The Quota book number is printed on each stamp.

3. Số lượng tem mặt hàng rượu, bia, thuốc lá tại Phụ lục phù hợp với định lượng miễn thuế quy định tại điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận giữa Chính phủ Việt Nam với tổ chức phi Chính phủ nước ngoài hoặc định lượng tại Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủng loại và định lượng hàng hóa nhập khẩu miễn thuế theo Điều ước quốc tế/thỏa thuận giữa Chính phủ Việt Nam với tổ chức phi Chính phủ nước ngoài/The quantity of stamps for the management of alcohol, beer and cigarettes in the Appendix is consistent with the duty-free quota stipulated in international treaties/agreements between the Government of Viet Nam and foreign non-government organizations or consistent with the quota stipulated in the Prime Minister's Decision approving the list and quota of duty-free imported goods according to international treaties/agreements between the Government of Viet Nam and foreign non-government organizations.

4. Các chủng loại tem/Types of Stamps:

a) Đối với mặt hàng rượu gồm các loại tem: 0,75 lít, 1,5 lít, 2 lít, 3 lít, 4,5 lít, 6 lít, 18 lít được đánh số thứ tự trên mặt tem từ 1 đến hết số lượng tem theo từng quý/Stamps for alcohol: includes types of 0,75 liters, 1,5 liters, 2 liters, 03 liters, 4,5 liters, 6 liters, 18 liters, numbered from 1 to the maximum number as quarterly allowed.

b) Đối với mặt hàng bia gồm các loại tem: 8 lít, 12 lít, 16 lít được đánh số thứ tự từ 1 đến hết số lượng tem theo từng quý/Stamps for beer: includes types of 8 liters, 12 liters, 16 liters, numbered from 1 to the maximum number as quarterly allowed.

c) Đối với mặt hàng thuốc lá gồm loại tem: 1 tút được đánh số thứ tự từ 1 đến hết số lượng tem theo từng quý/Stamps for cigarette: includes types of 1 carton, numbered from 1 to the maximum number as quarterly allowed.

5. Tem này chỉ có giá trị khi xuất trình cùng với Sổ định mức miễn thuế/This stamp is only valid when presented with the Quota book.

Mẫu số 02i

TÊN CƠ QUAN/TỔ CHỨC

Số:../...

..., ngày... tháng... năm...

V/v cấp Sổ định mức miễn thuế hoặc
bổ sung định lượng hàng hóa miễn thuế

Kính gửi: Cục Hải quan tỉnh, thành phố...

Căn cứ điểm c, điểm d khoản 1, khoản 8 Điều 5 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ.

Đề nghị Cục Hải quan tỉnh, thành phố... cấp Sổ định mức miễn thuế/bổ sung định lượng hàng hóa vào Sổ định mức miễn thuế cho ông/bà:...

Giấy phép lao động hoặc văn bản có giá trị tương đương số:..., ngày cấp:../.../...

Nơi cấp:...

Có giá trị đến ngày:../.../...

Cơ quan công tác:...

Số điện thoại:....;

Số Fax:....

(Tên cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế ngoài hệ thống Liên hợp quốc/Cơ quan đại diện của tổ chức phi Chính phủ)... kính đề nghị Cục Hải quan tỉnh, thành phố... thực hiện cấp Sổ định mức miễn thuế/bổ sung định lượng hàng hóa vào Sổ định mức miễn thuế cho ông/bà... theo quy định hiện hành./.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CƠ QUAN/TỔ CHỨC***(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)*

Ghi chú: Mẫu này áp dụng đối với cá nhân quy định tại điểm c, điểm d khoản 1 Điều 5 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ.

Mẫu số 03a

TÊN CƠ QUAN ĐỀ NGHỊ⁽¹⁾**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:../...

V/v miễn thuế hàng hóa nhập
khẩu phục vụ trực tiếp
an ninh/quốc phòng

..., ngày... tháng... năm...

Kính gửi: Tổng cục Hải quan.

Căn cứ khoản 22 Điều 16 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ngày 06 tháng 4 năm 2016.

Căn cứ Điều 20 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và khoản 2 Điều 2 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ.

Căn cứ Quyết định số... ngày.../.../... của... về việc phê duyệt kế hoạch nhập khẩu hàng hóa phục vụ an ninh/quốc phòng năm...

Căn cứ Giấy phép nhập khẩu số... ngày.../.../... của...

Cơ quan...⁽¹⁾ đề nghị Tổng cục Hải quan miễn thuế hàng hóa nhập khẩu chuyên dùng phục vụ trực tiếp cho an ninh/quốc phòng, cụ thể như sau:

1. Tên doanh nghiệp nhập khẩu:...
2. Mã số thuế:... Địa chỉ:...
3. Tên hàng:...
4. Số lượng:...
5. Trị giá (tính bằng USD hoặc nguyên tệ):...
6. Hàng hóa nhập khẩu thuộc mục:..., phụ lục:... Quyết định số... ngày.../.../... của...
7. Giấy phép nhập khẩu số... ngày.../.../...
8. Hợp đồng nhập khẩu số... ngày.../.../...
9. Hợp đồng ủy thác nhập khẩu/hợp đồng mua bán/hợp đồng cung cấp hàng hóa số... ngày.../.../...

10. Nơi dự kiến đăng ký tờ khai hải quan (ghi rõ tại Chi cục thuộc Cục Hải quan):...

Cơ quan... ⁽¹⁾ đề nghị Tổng cục Hải quan miễn thuế đối với lô hàng nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Doanh nghiệp nhập khẩu;
- ...
- Lưu:...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan đề nghị (Bộ Công an/Bộ Quốc phòng hoặc đơn vị được ủy quyền/phân cấp).

Hồ sơ gửi kèm công văn này gồm:

- Giấy phép nhập khẩu: 01 bản chính;
- Hợp đồng nhập khẩu hàng hóa: 01 bản chụp;
- Hợp đồng ủy thác nhập khẩu/hợp đồng mua bán/hợp đồng cung cấp hàng hóa: 01 bản chụp;
- Các tài liệu, chứng từ khác có liên quan (nếu có): 01 bản chụp.

Mẫu số 04

**DANH MỤC HÀNG HÓA ĐỀ NGHỊ MIỄN THUẾ ĐỂ PHỤC VỤ
ĐẢM BẢO AN SINH XÃ HỘI, KHẮC PHỤC HẬU QUẢ THIÊN TAI,
THẢM HỌA, DỊCH BỆNH VÀ CÁC TRƯỜNG HỢP ĐẶC BIỆT KHÁC**

(Kèm theo công văn số... ngày... của...)

1. Tên tổ chức/cá nhân xuất khẩu, nhập khẩu:...
2. Mã số thuế:...
3. CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:...
- Ngày cấp:.../.../...
4. Nơi cấp:... Quốc tịch:...
5. Địa chỉ:...
6. Số điện thoại:... Số Fax:...
7. Tên chương trình, dự án (nếu có):...
8. Địa điểm thực hiện chương trình, dự án (nếu có):...
9. Dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu tại cơ quan hải quan:...
10. Thời gian dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa miễn thuế:...
11. Thời gian dự kiến kết thúc việc xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa miễn thuế:...
12. Nội dung về hàng hóa dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu:

STT	Tên hàng, quy cách phẩm chất	Đơn vị tính	Số lượng	Trị giá	Số, ngày chứng từ liên quan ⁽¹⁾	Ghi chú

Ghi chú:

⁽¹⁾ Số ngày Hợp đồng xuất khẩu, hợp đồng nhập khẩu, vận đơn hoặc các chứng từ khác có liên quan.

Mẫu số 05

TÊN TỔ CHỨC⁽¹⁾**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:../...

V/v thông báo Danh mục
hàng hóa miễn thuế dự kiến
xuất khẩu, nhập khẩu

..., ngày... tháng... năm...

Kính gửi: Cơ quan Hải quan...⁽²⁾Tên tổ chức/cá nhân:...⁽³⁾

Mã số thuế:...

CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:...

Ngày cấp:../.../...

Nơi cấp:...

Quốc tịch:...

Địa chỉ:...

Số điện thoại:...

Số Fax:...

Lĩnh vực hoạt động:...

Lý do miễn thuế: (ghi cụ thể đối tượng miễn thuế, cơ sở xác định đối tượng miễn thuế)...

Nay,...⁽³⁾ thông báo Danh mục hàng hóa miễn thuế dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu của:

Dự án đầu tư...

- Ngành nghề đầu tư:...

- Địa bàn đầu tư:...

- Hạng mục công trình:...

- ...

(Nếu xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa cho toàn bộ dự án thì không cần ghi chi tiết hạng mục công trình)

Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh hoặc văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền trong trường hợp không phải thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư... số... ngày... được cấp bởi...

Thời gian dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu từ... đến...

Các giấy tờ kèm theo gồm:

- 02 Danh mục hàng hóa miễn thuế dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu, 01 phiếu theo dõi, trừ lùi (trường hợp thông báo Danh mục miễn thuế bằng giấy); trường hợp thông báo Danh mục miễn thuế trên Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan hải quan (tổ chức/cá nhân nêu rõ số... ngày... Danh mục miễn thuế đã được thông báo trên Hệ thống).

- Các chứng từ làm cơ sở xác định hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu miễn thuế theo quy định tại khoản 3 Điều 30 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ.

Tổ chức/cá nhân...⁽³⁾ cam kết xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa đúng mục đích đã được miễn thuế.

Đề nghị Cơ quan hải quan...⁽²⁾ tiếp nhận thông báo Danh mục hàng hóa miễn thuế dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu cho tổ chức/cá nhân.../.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
TỔ CHỨC/CÁ NHÂN** (hoặc người được ủy quyền
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Đối với cá nhân: Bỏ trống.

(2) Ghi tên cơ quan hải quan nơi tiếp nhận thông báo Danh mục miễn thuế.

(3) Ghi tên tổ chức/cá nhân thông báo Danh mục miễn thuế.

Mẫu số 06

DANH MỤC
HÀNG HÓA MIỄN THUẾ DỰ KIẾN XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU

Số:.... ngày...

1. Tên tổ chức/cá nhân:...

Mã số thuế:...

CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:...

Ngày cấp:..../..../....

Nơi cấp:...

Quốc tịch:...

Số điện thoại:...

Số Fax:...

2. Địa chỉ trụ sở tổ chức/cá nhân:...

3. Tên dự án đầu tư:...

4. Địa điểm thực hiện dự án:...

5. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh hoặc văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền trong trường hợp không phải thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư... số... ngày... được cấp bởi...

6. Ngày bắt đầu nhập khẩu:.... Ngày bắt đầu sản xuất:....

Số, ngày công văn thông báo ngày bắt đầu sản xuất⁽¹⁾:....

7. Thông báo tại cơ quan hải quan:...

8. Thời gian dự kiến kết thúc xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa miễn thuế:...

STT	Tên hàng, quy cách, phẩm chất	Đơn vị tính	Số lượng	Trị giá/Trị giá dự kiến	Ghi chú

Ngày... tháng... năm...

CƠ QUAN HẢI QUAN TIẾP NHẬN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ngày... tháng... năm...

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**CỦA TỔ CHỨC/CÁ NHÂN**

(hoặc người được ủy quyền)

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Trường hợp thông báo Danh mục hàng hóa miễn thuế bằng giấy, cơ quan hải quan làm thủ tục tiếp nhận ghi số, ngày Danh mục hàng hóa miễn thuế theo số, ngày ghi trong Sổ theo dõi tiếp nhận.
- ⁽¹⁾ Đối với trường hợp miễn thuế 05 năm.

Mẫu số 07

Tờ số.../Tổng số tờ

**PHIẾU THEO DÕI,
TRỪ LÌ HÀNG HÓA MIỄN THUẾ XUẤT KHẨU, THUẾ NHẬP KHẨU**

1. Danh mục hàng hóa miễn thuế dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu số... ngày... tháng... năm...

2. Tên tổ chức/cá nhân...

Mã số thuế:...

CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:...

Ngày cấp:.../.../...

Nơi cấp:...

Quốc tịch:...

Số điện thoại:...

Số Fax:...

3. Địa chỉ trụ sở tổ chức/cá nhân:...

4. Tên dự án đầu tư:...

STT	Số, ngày tờ khai hải quan	Tên hàng, quy cách phẩm chất	Đơn vị tính	Số lượng hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo tờ khai hải quan	Số lượng hàng hóa còn lại chưa xuất khẩu, nhập khẩu	Công chức hải quan trừ lùi, ký tên, đóng dấu công chức
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

**CƠ QUAN HẢI QUAN
TIẾP NHẬN PHIẾU THEO DÕI TRỪ LÌ**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

Đối với trường hợp thông báo Danh mục miễn thuế bằng giấy.

- Cơ quan hải quan nơi tiếp nhận phiếu theo dõi trừ lùi ghi các tiêu chí tại các mục 1, 2, 3, 4, tờ số/tổng số tờ, (Trường hợp Phiếu theo dõi trừ lùi gồm nhiều tờ, cơ quan hải quan đóng dấu treo lên tất cả các tờ).

- Cơ quan hải quan nơi làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa ghi số liệu các cột từ 1 đến 7 của Phiếu theo dõi trừ lùi.

- Khi tổ chức/cá nhân đã xuất khẩu, nhập khẩu hết hàng hóa theo Danh mục đã thông báo, Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục cuối cùng xác nhận lên bản chính “đã xuất khẩu/nhập khẩu hết hàng hóa miễn thuế” và gửi 01 bản sao y bản chính cho Cục Hải quan nơi tiếp nhận thông báo Danh mục hàng hóa miễn thuế dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu.

Mẫu số 08

TÊN TỔ CHỨC⁽¹⁾**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:../...

V/v đề nghị giảm thuế
xuất khẩu/nhập khẩu

..., ngày... tháng... năm...

Kính gửi:...(2)

1. Tên tổ chức/cá nhân:...

2. Mã số thuế:...

CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:...

Ngày cấp:../.../...

Nơi cấp:...

Quốc tịch:...

Số điện thoại:...

Số Fax:...

3. Địa chỉ trụ sở:...

4. Nội dung đề nghị:...

5. Lý do đề nghị giảm thuế:...(3)

6. Thông tin về tiền thuế đề nghị giảm:

STT	Tên hàng, quy cách, phẩm chất	Số, ngày tờ khai hải quan	Đơn vị tính	Số lượng hàng hóa theo tờ khai hải quan	Trị giá tính thuế	Tỷ lệ tổn thất	Loại thuế	Số tiền thuế phải nộp (VNĐ)	Số tiền thuế đề nghị giảm (VNĐ)
Tổng cộng									

Tổng số tiền thuế đề nghị giảm bằng chữ:...

Hồ sơ, tài liệu kèm theo...(4)

Tổ chức/cá nhân... cam đoan nội dung khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:...

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ(hoặc người được ủy quyền)
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Đối với cá nhân: Bỏ trống.
- (2) Tên cơ quan hải quan tiếp nhận hồ sơ giảm thuế.
- (3) Ghi rõ lý do và điều, khoản văn bản quy phạm pháp luật áp dụng.
- (4) Liệt kê tên loại tài liệu kèm theo.

Mẫu số 09

TÊN TỔ CHỨC⁽¹⁾**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số:.../...
V/v đề nghị hoàn thuế

..., ngày... tháng... năm...

Kính gửi:...⁽²⁾ (Tên cơ quan có thẩm quyền hoàn thuế)**I. Thông tin về tổ chức/cá nhân đề nghị hoàn thuế**

1. Tên người nộp thuế:...

Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:... Ngày cấp:.../.../... Nơi cấp:...

Quốc tịch:...

Địa chỉ:...

Quận/huyện:...

Tỉnh/thành phố:...

Điện thoại:...

Fax:...

Email:...

2. Tên người được ủy quyền/tổ chức nhận ủy thác:...

Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:... Ngày cấp:.../.../... Nơi cấp:...

Quốc tịch:...

Địa chỉ:...

Quận/huyện:...

Tỉnh/thành phố:...

Điện thoại:...

Fax:...

Email:...

Hợp đồng đại lý hải quan số:... ngày...

II. Nội dung đề nghị hoàn trả khoản thu ngân sách Nhà nước

1. Thông tin về thuế đề nghị hoàn trả:

Đơn vị tiền: VNĐ

STT	Loại thuế	Thông tin tờ khai hải quan/tờ khai hải quan bổ sung		Thông tin Số, ngày Quyết định ấn định thuế		Số tiền thuế đã nộp vào tài khoản		Số tiền thuế đề nghị		
		Số tờ khai	Ngày tờ khai	Số Quyết định	Ngày Quyết định	Thu ngân sách Nhà nước	Tài khoản tiền gửi	Bù trừ số tiền thuế, thu khác còn nợ	Bù trừ vào số tiền thuế phải nộp	Hoàn trả trực tiếp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
Tổng cộng:										

(Bằng chữ:...)

2. Lý do đề nghị hoàn thuế:...⁽³⁾

3. Thông tin về hàng hóa đề nghị hoàn thuế:

3.1. Thực hiện thanh toán qua Ngân hàng:

 Có, số chứng từ thanh toán:... Không.

3.2. Hàng hóa chưa qua sử dụng, gia công, chế biến

 Có Không

3.3. Đối với máy móc, thiết bị, dụng cụ, phương tiện vận chuyển của các tổ chức, cá nhân được phép tạm nhập, tái xuất

a) Thời gian sử dụng và lưu lại tại Việt Nam:

b) Tỷ lệ mức khấu hao, phân bổ trị giá hàng hóa:

c) Thực hiện theo hình thức thuế

Có

Không

d) Giá tính thuế nhập khẩu tính trên giá đi thuế, đi mượn: ⁽⁴⁾

Có

Không

4. Hình thức hoàn trả

4.1. Bù trừ cho số tiền thuế, thu khác còn nợ (cột 9) thuộc tờ khai hải quan số... ngày...

4.2. Bù trừ vào số tiền thuế phải nộp (cột 10) thuộc tờ khai hải quan số... ngày...

4.3. Hoàn trả trực tiếp (cột 11):

Số tiền hoàn trả: Bằng số:...

Bằng chữ:...

Trong đó:

Chuyển khoản: Tài khoản số:... Tại Ngân hàng (Kho bạc Nhà nước)...

Tiền mặt: Nơi nhận tiền hoàn thuế: Kho bạc Nhà nước...

Hồ sơ, tài liệu kèm theo:...⁽⁵⁾

Tổ chức/cá nhân cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ HẢI QUAN

Họ và tên:...

Chúng tôi hành nghề số:...

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP

CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

*(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ
và đóng dấu (nếu có))*

Ghi chú:

⁽¹⁾ Đối với cá nhân: Bỏ trống.

⁽²⁾ Tên cơ quan có thẩm quyền hoàn thuế.

⁽³⁾ Ghi rõ lý do và điều, khoản văn bản quy phạm pháp luật áp dụng.

⁽⁴⁾ Trường hợp máy móc, thiết bị, dụng cụ, phương tiện vận chuyển của các tổ chức, cá nhân được phép tạm nhập, tái xuất khi tạm nhập giá tính thuế nhập khẩu được tính trên giá đi thuế, đi mượn thì không thuộc các trường hợp được hoàn thuế.

⁽⁵⁾ Liệt kê tài liệu kèm theo.

Mẫu số 09a

TÊN TỔ CHỨC⁽¹⁾**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.../...

V/v đề nghị không thu thuế

..., ngày... tháng... năm...

Kính gửi:...⁽²⁾**I. Thông tin về tổ chức/cá nhân đề nghị không thu thuế**

1. Tên người nộp thuế:...

Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:... Ngày cấp:.../.../... Nơi cấp:...

Quốc tịch:...

Địa chỉ:...

Quận/huyện:...

Tỉnh/thành phố:...

Điện thoại:...

Fax:...

Email:...

2. Tên người được ủy quyền/tổ chức nhận ủy thác:...

Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:... Ngày cấp:.../.../... Nơi cấp:...

Quốc tịch:...

Địa chỉ:...

Quận/huyện:...

Tỉnh/thành phố:...

Điện thoại:...

Fax:...

Email:...

Hợp đồng đại lý hải quan số:... ngày...

II. Thông tin về hàng hóa đề nghị không thu thuế

1. Số tờ khai:... ngày... tháng... năm... Nơi đăng ký tờ khai:...

Tên hàng, mô tả hàng hóa:...

Số lượng:...

Trị giá:...

2. Thực hiện thanh toán qua ngân hàng:

Có, số chứng từ thanh toán:...

Không.

3. Hàng hóa chưa qua sử dụng, gia công, chế biến

Có

Không

4. Đối với máy móc, thiết bị, dụng cụ, phương tiện vận chuyển của các tổ chức, cá nhân được phép tạm nhập, tái xuất thuộc trường hợp hoàn thuế nhưng người nộp thuế chưa nộp thuế

a) Thời hạn sử dụng và lưu lại tại Việt Nam:

b) Tỷ lệ mức khấu hao, phân bổ trị giá hàng hóa:

c) Thực hiện theo hình thức thuế:

Có

Không

d) Giá tính thuế nhập khẩu tính trên giá đi thuế, đi mượn: ⁽³⁾

Có

Không

III. Thông tin về số tiền thuế đề nghị không thu

1. Thông tin về tiền thuế

Đơn vị: VNĐ

STT	LOẠI THUẾ	Số tiền đề nghị không thu
1	Thuế xuất khẩu	
2	Thuế nhập khẩu	
3	Thuế tự vệ	
4	Thuế chống bán phá giá	
5	Thuế chống trợ cấp	
6	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
7	Thuế bảo vệ môi trường	
8	Thuế giá trị gia tăng	
Tổng cộng (bằng số)		

(Bằng chữ:...)

2. Lý do đề nghị không thu thuế:....⁽⁴⁾

3. Hồ sơ, tài liệu kèm theo:....⁽⁵⁾

Tổ chức/cá nhân cam đoan thông tin khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những thông tin đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ HẢI QUAN

Họ và tên:...

Chứng chỉ hành nghề số:...

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

*(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và
đóng dấu (nếu có))*

Ghi chú:

⁽¹⁾ Đối với cá nhân: Bỏ trống.

⁽²⁾ Tên cơ quan có thẩm quyền không thu thuế.

⁽³⁾ Trường hợp máy móc, thiết bị, dụng cụ, phương tiện vận chuyển của các tổ chức, cá nhân được phép tạm nhập, tái xuất khi tạm nhập giá tính thuế nhập khẩu được tính trên giá đi thuế, đi mượn thì không thuộc các trường hợp được hoàn thuế, không thu thuế.

⁽⁴⁾ Ghi rõ lý do và điều, khoản văn bản quy phạm pháp luật áp dụng. Trường hợp đề nghị không thu thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc đối tượng hoàn thuế nhưng người nộp thuế chưa nộp thuế thì phải ghi rõ vào mục này.

⁽⁵⁾ Liệt kê tài liệu kèm theo.

Mẫu số 10

BÁO CÁO TÍNH THUẾ NGUYÊN LIỆU, VẬT TƯ ĐỀ NGHỊ HOÀN THUẾ NHẬP KHẨU*(Kèm theo Công văn đề nghị hoàn thuế số... ngày...)*

Tên người nộp thuế:...

Mã số thuế:... Địa chỉ:...

Số, ngày Hợp đồng nhập khẩu:...

Số, ngày Hợp đồng xuất khẩu:...

STT	Tờ khai nhập khẩu nguyên liệu, vật tư (NL, VT)				Tờ khai xuất khẩu sản phẩm			Mã nguyên liệu, vật tư nhập khẩu	Mã sản phẩm xuất khẩu	Luợng NL, VT sử dụng cho sản phẩm xuất khẩu	Định mức sử dụng thực tế	Số tiền thuế nhập khẩu đã nộp	Số tiền thuế đề nghị hoàn/ không thu	Chú chú				
	Số, ngày tờ khai hải quan	Tên nguyên liệu, vật tư theo tờ khai hải quan	Đơn vị tính	Lượng	Trị giá tính thuế	Thuế suất thuế nhập khẩu	Số tiền thuế nhập khẩu phải nộp								Số, ngày tờ khai hải quan	Tên sản phẩm theo tờ khai hải quan	Đơn vị tính	Lượng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)

..., ngày... tháng... năm...

NGƯỜI NỘP THUẾ (hoặc NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP**CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ)***(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Mẫu số 11

**DANH SÁCH CÁ NHÂN/HỘ GIA ĐÌNH, HỘ KINH DOANH ĐẦU TƯ, TRỒNG SẢN PHẨM NÔNG SẢN
TẠI TỈNH... CỦA CAMPUCHIA TIẾP GIÁP TỈNH... BIÊN GIỚI CỦA VIỆT NAM NĂM...**

(Kèm theo văn bản số... ngày... tháng... năm... của Ủy ban Nhân dân tỉnh...)

STT	Tên cá nhân/đại diện hộ gia đình, hộ kinh doanh	Địa chỉ cư trú ⁽¹⁾	Tên sản phẩm nông sản đầu tư, trồng tại Campuchia	Diện tích đầu tư hiện tại	Diện tích đầu tư dự kiến mở rộng trong năm...	Dự kiến sản lượng sản phẩm nhập khẩu về Việt Nam năm...	Ghi chú

Ghi chú:

⁽¹⁾ Nơi thường trú hoặc nơi tạm trú theo quy định tại Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ và văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

CỤC HẢI QUAN...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:../QĐ...

..., ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH**Về việc giảm thuế đối với hàng hóa xuất khẩu/nhập khẩu****CỤC TRƯỞNG CỤC HẢI QUAN TỈNH, THÀNH PHỐ...⁽¹⁾***Căn cứ Điều 18 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ngày 06 tháng 4 năm 2016;**Căn cứ Điều 32 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ;**Căn cứ...;**Căn cứ hồ sơ đề nghị giảm thuế của (Tên người nộp thuế, mã số thuế, địa chỉ)...;**Theo đề nghị của...***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Giảm số tiền thuế phải nộp đối với hàng hóa xuất khẩu/nhập khẩu của (Tên/Địa chỉ người nộp thuế, mã số thuế, thuộc tờ khai/quyết định ấn định thuế số... ngày...) như sau:

STT	LOẠI THUẾ	SỐ TIỀN
1	Thuế xuất khẩu	
2	Thuế nhập khẩu	
3	Thuế tự vệ	
4	Thuế chống bán phá giá	
5	Thuế chống trợ cấp	

STT	LOẠI THUẾ	SỐ TIỀN
6	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
7	Thuế bảo vệ môi trường	
8	Thuế giá trị gia tăng	
	Tổng cộng	

Bằng chữ:...

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. *(Tên người nộp thuế); (các đơn vị có liên quan của cơ quan hải quan)* chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT,...

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Trường hợp giảm thuế trong thông quan thuộc thẩm quyền của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan: Ghi “Chi cục trưởng Chi cục Hải quan...”.

Mẫu số 13

TÊN CƠ QUAN/TỔ CHỨC⁽¹⁾ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày... tháng... năm...

V/v đề nghị xác nhận chủng loại,
 định lượng hàng hóa miễn thuế
 theo điều ước quốc tế

Kính gửi: ...⁽²⁾

Căn cứ khoản 12 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

Tên tổ chức/cá nhân:...

Mã số thuế:...

CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:...

Ngày cấp: .../.../...

Nơi cấp:...

Quốc tịch:...

Địa chỉ:...

Số điện thoại:...

Số Fax:...

Lĩnh vực hoạt động:...

Lý do miễn thuế: (ghi cụ thể đối tượng miễn thuế, cơ sở xác định đối tượng miễn thuế)...

Do điều ước quốc tế... không quy định cụ thể chủng loại, định lượng hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc đối tượng miễn thuế theo điều ước quốc tế, tổ chức, cá nhân... đề nghị...⁽²⁾ xác nhận hàng hóa miễn thuế theo điều ước quốc tế dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu dưới đây của:

- Dự án đầu tư/hoạt động sử dụng hàng hóa miễn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu...

- Ngành nghề, địa bàn đầu tư...

- Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để thực hiện (ghi rõ mục đích xác nhận Danh mục thực hiện miễn thuế cho toàn bộ dự án hoặc theo hạng mục công trình hoặc giai đoạn hoặc tổ hợp, dây chuyền hoặc năm tài chính)...

- Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh hoặc văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền trong trường hợp không phải thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư... số... ngày... được cấp bởi...

STT	Tên hàng, quy cách, phẩm chất	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến xuất khẩu/ nhập khẩu	Trị giá dự kiến xuất khẩu/ nhập khẩu	Ghi chú

Thời gian dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu từ... đến...

Tổ chức/cá nhân... cam kết xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa đúng mục đích đã được miễn thuế.

Đề nghị...⁽²⁾ xác nhận chủng loại, định lượng hàng hóa miễn thuế dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu cho tổ chức/cá nhân... theo quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))**

Ghi chú:

⁽¹⁾ Đối với cá nhân: Bỏ trống.

⁽²⁾ Ghi tên cơ quan đề xuất ký kết hoặc gia nhập điều ước quốc tế, cơ quan quản lý chuyên ngành.

Mẫu số 14

TÊN CƠ QUAN⁽¹⁾**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:../...

V/v xác nhận chủng loại,
định lượng hàng hóa miễn
thuế theo điều ước quốc tế

..., ngày... tháng... năm...

Kính gửi: Tổ chức/Cá nhân...⁽²⁾

Căn cứ khoản 4 Điều 16 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ khoản 12 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

Căn cứ Điều ước quốc tế... ngày... ký giữa...

Căn cứ hồ sơ đề nghị xác nhận chủng loại, định lượng hàng hóa miễn thuế dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu theo điều ước quốc tế của tổ chức/cá nhân⁽²⁾...

Nay,...⁽¹⁾ xác nhận chủng loại, định lượng hàng hóa miễn thuế dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu theo điều ước quốc tế, cụ thể như sau:

1. Tên tổ chức/cá nhân:...

Mã số thuế:...

CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:...

Ngày cấp:../.../...

Nơi cấp:...

Quốc tịch:...

Số điện thoại:...

Số Fax:...

2. Địa chỉ:...

3. Tên dự án đầu tư/hoạt động sử dụng hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu miễn thuế...

4. Địa điểm thực hiện dự án/hoạt động sử dụng hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu miễn thuế...

5. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh hoặc văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền trong trường hợp không phải thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư..... số... ngày... được cấp bởi...

6. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để thực hiện (ghi rõ mục đích xác nhận Danh mục thực hiện miễn thuế cho toàn bộ dự án hoặc theo hạng mục công trình hoặc giai đoạn hoặc tổ hợp, dây chuyền hoặc năm tài chính)...

STT	Tên hàng, quy cách, phẩm chất	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến xuất khẩu/nhập khẩu	Trị giá dự kiến xuất khẩu/nhập khẩu	Ghi chú

7. Thời gian dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu từ... đến...

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...
- Lưu: VT,...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan đề xuất ký kết hoặc gia nhập điều ước quốc tế hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành.

(2) Tên tổ chức, cá nhân đề nghị xác nhận chủng loại, định lượng hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu miễn thuế theo điều ước quốc tế.

TÊN TỔ CHỨC⁽¹⁾**BẢNG KÊ CHI TIẾT HÀNG HÓA NHẬP KHẨU MIỄN THUẾ
THEO TỔ HỢP, DÂY CHUYỀN***(Theo tờ khai số... ngày... tháng... năm... tại Chi cục Hải quan...)*

1. Tên tổ chức/cá nhân:...

Mã số thuế:...

CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:...

Ngày cấp:.../.../...

Nơi cấp:...

Quốc tịch:...

2. Địa chỉ:...

Số điện thoại:...

Số Fax:...

3. Tên dự án đầu tư:...

4. Địa điểm thực hiện dự án:...

5. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh hoặc văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền trong trường hợp không phải thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư... số... ngày... được cấp bởi...

6. Tên tổ hợp, dây chuyền nhập khẩu:...

7. Danh mục miễn thuế nhập khẩu số... ngày... đăng ký tại cơ quan hải quan...

8. Thời gian dự kiến kết thúc nhập khẩu hàng hóa miễn thuế:...

9. Thời gian dự kiến hoàn thiện lắp đặt tổ hợp, dây chuyền:...

STT	Tên hàng, quy cách, phẩm chất	Đơn vị tính	Số lượng	Trị giá/trị giá dự kiến nhập khẩu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Tổng số					

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC/CÁ NHÂN**
(hoặc người được ủy quyền)
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Đối với cá nhân: Bỏ trống.

Cột 2: Ghi rõ tên, quy cách, phẩm chất của từng máy móc, thiết bị thuộc tổ hợp dây chuyền.

- Trường hợp tách được trị giá/trị giá dự kiến của từng dòng hàng nhập khẩu thì khai vào cột (5);

- Trường hợp không tách được thì khai tổng trị giá của lô hàng theo tờ khai vào dòng tổng số.

Mẫu số 16

TÊN TỔ CHỨC⁽¹⁾**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:../...

V/v thông báo kết thúc
nhập khẩu hàng hóa theo
tổ hợp, dây chuyền

..., ngày... tháng... năm...

Kính gửi: Cơ quan hải quan nơi thông báo Danh mục miễn thuế

1. Tên tổ chức/cá nhân:...

Mã số thuế:...

CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:...

Ngày cấp:../.../...

Nơi cấp:...

Quốc tịch:...

Số điện thoại:...

Số Fax:...

2. Địa chỉ:...

3. Tên dự án đầu tư:...

4. Địa điểm thực hiện dự án:...

5. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh hoặc văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền trong trường hợp không phải thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư..... số..... ngày..... được cấp bởi...

6. Tên tổ hợp, dây chuyền nhập khẩu:...

7. Danh mục miễn thuế nhập khẩu số... ngày... đăng ký tại cơ quan hải quan...

8. Thời gian nhập khẩu hàng hóa miễn thuế từ ngày... đến ngày...

9. Thời gian dự kiến hoàn thành lắp đặt tổ hợp, dây chuyền:...

10. Số tiền thuế nhập khẩu của tổ hợp dây chuyền được miễn:...

11. Cơ quan hải quan nơi nhập khẩu hàng hóa theo tổ hợp, dây chuyền:...

12. Hàng hóa đã nhập khẩu thuộc tổ hợp, dây chuyền bao gồm:

STT	Tên hàng, quy cách, phẩm chất	Đơn vị tính	Số lượng	Trị giá/trị giá dự kiến nhập khẩu	Tờ khai nhập khẩu số/ngày	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	Tổng số					

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
TỔ CHỨC/CÁ NHÂN (hoặc người được ủy quyền)**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Đối với cá nhân: Bỏ trống.

- Cột (5): Trường hợp không khai báo được trị giá theo từng dòng hàng thì tổ chức, cá nhân khai báo trị giá theo tổ hợp, dây chuyền tại dòng tổng số.

Mẫu số 17

TÊN TỔ CHỨC⁽¹⁾**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:../...

V/v thông báo chuyển
nhượng dự án đầu tư

..., ngày... tháng... năm...

Kính gửi: Cơ quan hải quan nơi thông báo Danh mục miễn thuế

1. Tên tổ chức/cá nhân:...

Mã số thuế:...

CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:... Ngày cấp:../.../... Nơi cấp:...

Quốc tịch:...

Số điện thoại:...

Số Fax:...

2. Địa chỉ trụ sở của tổ chức/cá nhân:...

3. Tên dự án đầu tư:...

4. Địa điểm thực hiện dự án:...

5. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh hoặc văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền trong trường hợp không phải thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư...

6. Lý do miễn thuế:

7. Tổ chức/cá nhân chuyển nhượng... đã thực hiện thông báo Danh mục miễn thuế số... ngày... với cơ quan hải quan để thực hiện dự án... và đã nhập khẩu hàng hóa miễn thuế; nay, tổ chức/cá nhân... thông báo về việc chuyển nhượng toàn bộ/một phần dự án nêu trên cho... tổ chức/cá nhân nhận chuyển nhượng... mã số thuế..., tại địa chỉ..., tiếp tục thực hiện dự án theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh hoặc văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền trong trường hợp không phải thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư..... số..... ngày..... được cấp bởi....., hàng hóa chuyển nhượng như sau:

STT	Tờ khai nhập khẩu ban đầu (số, ngày)	Hàng hóa nhập khẩu đã được miễn thuế			Hàng hóa chuyển nhượng		Hàng hóa còn lại chưa chuyển nhượng (đối với trường hợp chuyển nhượng một phần dự án)		Ghi chú
		Tên hàng	Số lượng	Trị giá	Số lượng	Trị giá	Số lượng	Trị giá	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)

8. Danh mục hàng hóa chưa nhập khẩu hết theo Danh mục miễn thuế số...(2) đã đăng ký/thông báo với cơ quan hải quan, được chủ dự án chuyển nhượng dự kiến tiếp tục nhập khẩu để thực hiện dự án:

STT	Tên hàng, quy cách, phẩm chất	Đơn vị tính	Số lượng	Trị giá/trị giá dự kiến nhập khẩu	Ghi chú

9. Danh mục hàng hóa chưa nhập khẩu hết theo Danh mục miễn thuế số...(2) đã đăng ký/thông báo với cơ quan hải quan, được tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng dự kiến tiếp tục nhập khẩu:

STT	Tên hàng, quy cách, phẩm chất	Đơn vị tính	Số lượng	Trị giá/trị giá dự kiến nhập khẩu	Ghi chú

10. Tổ chức/cá nhân chuyển nhượng..... xin nộp lại bản chính Danh mục miễn thuế, Phiếu theo dõi trừ lùi và bản chụp Hợp đồng chuyển nhượng dự án (kèm theo) cho cơ quan hải quan nơi thông báo Danh mục miễn thuế (đối với trường hợp thông báo Danh mục bản giấy) để cơ quan hải quan được biết và theo dõi.

Tổ chức/cá nhân chuyển nhượng..... xin cam kết những thông tin kê khai là hoàn toàn trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã khai.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
TỔ CHỨC/CÁ NHÂN (hoặc người được ủy quyền)**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Đối với cá nhân: Bỏ trống.

⁽²⁾ Ghi số, ngày Danh mục miễn thuế đã được tổ chức/cá nhân chuyển nhượng hàng hóa (chủ dự án) đã thông báo/đăng ký với cơ quan hải quan.

Mẫu số 18

THÔNG BÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG HÀNG HÓA NHẬP KHẨU MIỄN THUẾ

Tên tổ chức/cá nhân (chủ dự án):...

Mã số thuế:...

Số CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:...

ngày cấp... nơi cấp... tại...

Tên dự án đầu tư (Hạng mục đầu tư):...

Thời điểm bắt đầu thực hiện dự án đầu tư (Hạng mục đầu tư)... Thời điểm kết thúc nhập khẩu hàng hóa...

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh hoặc văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền trong trường hợp không phải thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.... số..... ngày..... được cấp bởi...

Tên Hợp đồng:....

Số:.... Ngày:....

STT	Hàng hóa nhập khẩu miễn thuế		Đã sử dụng đúng mục đích miễn thuế	Đã thay đổi mục đích miễn thuế		Đã tiêu hủy	Tồn kho chưa sử dụng	Hạch toán vào số tài sản cố định theo quy định		Ghi chú
	Tên hàng	Số lượng		Từ khai số, ngày	Số lượng			Số lượng	Được hạch toán tài sản cố định	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA**TỔ CHỨC/CÁ NHÂN (hoặc người được ủy quyền)**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 19

TÊN TỔ CHỨC⁽¹⁾**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:../...

V/v thông báo hoàn thành
chế tạo máy móc, thiết bị

..., ngày... tháng... năm...

Kính gửi: Cơ quan hải quan nơi thông báo Danh mục miễn thuế

1. Tên tổ chức/cá nhân:...

Mã số thuế:...

CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:...

Ngày cấp:../.../...

Nơi cấp:...

Quốc tịch:...

Địa chỉ:...

Số điện thoại:...

Số Fax:...

2. Tên dự án đầu tư:...

3. Địa điểm thực hiện dự án:...

4. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh hoặc văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền trong trường hợp không phải thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư... số... ngày... được cấp bởi...

Tổ chức/cá nhân... thông báo với cơ quan hải quan từ ngày... đã hoàn thành chế tạo máy móc, thiết bị từ hàng hóa nhập khẩu miễn thuế theo Danh mục miễn thuế số... ngày... tại... Số lượng hàng hóa nhập khẩu đã được sử dụng để chế tạo máy móc, thiết bị như sau:

STT	Thông tin hàng hóa nhập khẩu dùng để chế tạo				Số lượng hàng hóa đã sử dụng để chế tạo	Số lượng hàng hóa dư thừa sau chế tạo	Thông tin hàng hóa được chế tạo			Ghi chú
	Tên hàng, quy cách, phẩm chất (chi tiết theo từng dòng hàng)	Tờ khai nhập khẩu số/ngày	Đơn vị tính	Số lượng			Tên hàng sau chế tạo	Đơn vị tính	Số lượng	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)

Tổ chức/cá nhân..... cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các thông tin, tài liệu khai báo với cơ quan hải quan và lưu giữ các tài liệu có liên quan để xuất trình cơ quan hải quan khi thực hiện thanh tra, kiểm tra./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
TỔ CHỨC/CÁ NHÂN (hoặc người được ủy quyền)**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- ⁽¹⁾ Đối với cá nhân: Bỏ trống.

Mẫu số 20

TÊN TỔ CHỨC⁽¹⁾**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:../...

V/v thông báo hoàn thiện
lắp đặt tổ hợp, dây chuyền

..., ngày... tháng... năm...

Kính gửi: Cơ quan hải quan nơi thông báo Danh mục miễn thuế

1. Tên tổ chức/cá nhân:...

Mã số thuế:...

CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:...

Ngày cấp:../.../...

Nơi cấp:...

Quốc tịch:...

Địa chỉ:...

Số điện thoại:...

Số Fax:...

2. Tên dự án đầu tư:...

3. Địa điểm thực hiện dự án:...

4. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh hoặc văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền trong trường hợp không phải thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư... số... ngày... được cấp bởi...

Tổ chức/cá nhân... thông báo với cơ quan hải quan về việc đã hoàn thiện lắp đặt hàng hóa nhập khẩu miễn thuế theo tổ hợp, dây chuyền đã đăng ký theo Danh mục miễn thuế số... ngày... tại... từ ngày... Số lượng hàng hóa nhập khẩu được sử dụng để lắp đặt như sau:

STT	Thông tin hàng hóa nhập khẩu				Số lượng hàng hóa đã sử dụng để lắp đặt	Số lượng hàng hóa dư thừa sau lắp đặt	Thông tin hàng hóa được lắp đặt			Ghi chú
	Tên hàng, quy cách, phẩm chất (chi tiết theo từng dòng hàng)	Tờ khai nhập khẩu số/ngày	Đơn vị tính	Số lượng			Tên tổ hợp, dây chuyền	Đơn vị tính	Số lượng	

Tổ chức/cá nhân..... cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các thông tin, tài liệu khai báo với cơ quan hải quan và lưu giữ các tài liệu có liên quan để xuất trình cơ quan hải quan khi thực hiện thanh tra, kiểm tra./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
TỔ CHỨC/CÁ NHÂN (hoặc người được ủy quyền)**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Đối với cá nhân: Bỏ trống.

Mẫu số 21

TÊN TỔ CHỨC⁽¹⁾**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:../...

..., ngày... tháng... năm...

V/v thông báo dự án chính thức
hoạt động đối với dự án đầu tư
tại vùng nông thôn sử dụng từ
500 lao động trở lên

Kính gửi: Cơ quan hải quan nơi thông báo Danh mục miễn thuế

1. Tên tổ chức/cá nhân (chủ dự án):...

Mã số thuế:...

CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:...

Ngày cấp:../.../...

Nơi cấp:...

Quốc tịch:...

Số điện thoại:...

Số Fax:...

2. Địa chỉ trụ sở của chủ dự án:...

3. Tên dự án đầu tư:...

4. Địa điểm thực hiện dự án:...

5. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh hoặc văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền trong trường hợp không phải thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư..... số..... ngày..... được cấp bởi...

Tổ chức/cá nhân... thông báo với cơ quan hải quan về ngày chính thức hoạt động của dự án là...

Tổ chức/cá nhân..... cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các thông tin, tài liệu khai báo với cơ quan hải quan và lưu giữ các tài liệu có liên quan để xuất trình cơ quan hải quan khi thực hiện thanh tra, kiểm tra./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
TỔ CHỨC/CÁ NHÂN (hoặc người được ủy quyền)**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:⁽¹⁾ Đối với cá nhân: Bỏ trống.

Mẫu số 22

**TÊN TỔ CHỨC
XUẤT KHẨU TẠI CHỖ⁽¹⁾****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.../...

..., ngày... tháng... năm...

**THÔNG BÁO
HOÀN THÀNH THỦ TỤC HẢI QUAN NHẬP KHẨU TẠI CHỖ⁽²⁾**

Kính gửi: Tên cơ quan hải quan nơi đăng ký tờ khai xuất khẩu tại chỗ

1. Thông tin về tổ chức/cá nhân xuất khẩu tại chỗ

Tên người xuất khẩu tại chỗ:...

Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

Địa chỉ:...

Điện thoại:...

Fax:...

Email:...

Hợp đồng đại lý hải quan (nếu có) số:...

ngày...

2. Thông tin về hàng hóa xuất khẩu tại chỗ⁽³⁾

- Số, ngày tờ khai:... tại Chi cục Hải quan... thuộc Cục Hải quan tỉnh/TP...

- Mã loại hình tờ khai:...

- Người mua hàng/người đặt gia công/người chỉ định giao hàng/người ủy quyền (tên, địa chỉ):...

- Số ngày Hợp đồng xuất khẩu/hợp đồng gia công/chỉ định giao hàng/ủy quyền của thương nhân nước ngoài:...

3. Thông tin về tổ chức/cá nhân nhập khẩu tại chỗ

Tên người nhập khẩu tại chỗ:...

Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

Địa chỉ:...

Điện thoại:...

Fax:...

Email:...

Tên đại lý hải quan (nộp thuế theo ủy quyền):...

Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

Địa chỉ:...

Điện thoại:...

Fax:...

Email:...

Hợp đồng đại lý hải quan (nếu có) số:... ngày...

4. Thông tin về hàng hóa nhập khẩu tại chỗ đã hoàn thành thủ tục hải quan⁽⁴⁾

- Số, ngày tờ khai:... tại Chi cục Hải quan:... thuộc Cục Hải quan tỉnh/TP...
- Mã loại hình tờ khai:...
- Số, ngày Hợp đồng nhập khẩu:...

5. Thông tin khác có liên quan (nếu có):...

Người nộp thuế hoặc đại diện theo pháp luật của người nộp thuế cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

⁽¹⁾ Đối với cá nhân: Bỏ trống.

⁽²⁾ Hoàn thành thủ tục hải quan nhập khẩu tại chỗ thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Hải quan số 54/2014/QH13.

(3), (4) Trường hợp có nhiều tờ khai phải ghi chi tiết theo từng tờ khai vào phụ lục đính kèm Thông báo hoàn thành thủ tục hải quan nhập khẩu tại chỗ như sau:

Tờ khai xuất khẩu					Tờ khai nhập khẩu			
Số, ngày tờ khai	Mã loại hình	Tên Chi cục Hải quan	Số, ngày hợp đồng xuất khẩu/hợp đồng gia công/chỉ định giao hàng/ủy quyền của thương nhân nước ngoài	Người mua hàng/người đặt gia công/người chỉ định giao hàng/người ủy quyền (tên, địa chỉ)	Số, ngày tờ khai	Mã loại hình	Tên Chi cục Hải quan	Số, ngày Hợp đồng nhập khẩu

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:../QĐ-TTg

..., ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc miễn thuế xuất khẩu/nhập khẩu đối với hàng hóa xuất khẩu/nhập khẩu để phục vụ đảm bảo an sinh xã hội/khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh/các trường hợp đặc biệt khác

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ;

Căn cứ...;

Theo đề nghị của Bộ Tài chính tại văn bản số... ngày...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Miễn thuế xuất khẩu/nhập khẩu đối với hàng hóa xuất khẩu/nhập khẩu để phục vụ đảm bảo an sinh xã hội/khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh/trường hợp đặc biệt khác...:

1. Tên cơ quan/tổ chức/cá nhân được miễn thuế:...
2. Chung loại và số lượng hàng hóa xuất khẩu/nhập khẩu được miễn thuế gồm:

STT	Tên hàng quy cách, phẩm chất	Đơn vị tính	Lượng dự kiến	Trị giá/Trị giá dự kiến	Số ngày chứng từ liên quan (Hợp đồng xuất khẩu, nhập khẩu; vận đơn...)	Ghi chú

Điều 2. Cơ quan/tổ chức/cá nhân nêu tại Điều 1 có trách nhiệm sử dụng hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu miễn thuế đúng mục đích được miễn thuế.

Trường hợp sử dụng không đúng mục đích, cơ quan/tổ chức/cá nhân phải đăng ký tờ khai hải quan mới, nộp thuế theo quy định của pháp luật trước khi thay đổi mục đích.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Bộ trưởng Bộ Tài chính, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan,... và cơ quan/tổ chức/cá nhân... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- ...
- Lưu: VT,...

THỦ TƯỚNG